

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ  
KHOAN DẦU KHÍ**

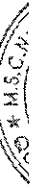
*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA	1
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 - 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5 - 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 39



Số: 133 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm tra việc quy đổi sang đồng Việt Nam đối với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là "Công ty Mẹ") và các công ty con (được gọi chung là "Tổng Công ty") được lập tại ngày 26 tháng 8 năm 2013, từ trang 2 đến trang 39. Công việc kiểm tra của chúng tôi được thực hiện theo các thủ tục đã thỏa thuận trước với Tổng Công ty như trình bày sau đây và phù hợp với Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920 "Kiểm tra các thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước". Các thủ tục đã được thực hiện như sau:

- Thu thập báo tài chính hợp nhất đã được chuyển đổi sang đồng Việt Nam do Tổng Công ty lập, so sánh số liệu sử dụng để chuyển đổi với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 của Tổng Công ty.
- So sánh tỷ giá sử dụng quy đổi sang đồng Việt Nam có phù hợp với phương pháp chuyển đổi báo cáo cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán.
- Kiểm tra tính chính xác về toán học của việc quy đổi ra đồng Việt Nam.

Chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra như sau:

- Thủ tục a: Số liệu sử dụng để chuyển đổi phù hợp với số liệu trình bày tại báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.
- Thủ tục b: Các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) đã được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.
- Thủ tục c: Kết quả quy đổi ra đồng Việt Nam chính xác về số học, không phát hiện chênh lệch.

Chúng tôi thực hiện công việc kiểm tra Báo cáo tài chính quy đổi của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 theo yêu cầu của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 920. Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thỏa thuận trước và chúng tôi báo cáo kết quả kiểm tra về các nội dung kiểm tra như đã đề cập tại các mục a, b, c nêu trên.



**Võ Thái Hòa**  
Phó Tổng Giám đốc kiểm  
Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 26 tháng 8 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Thị Thu Sang**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1144-2013-001-1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MÀU B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã Thuyết		30/6/2013		31/12/2012	
	số	minh				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>6.238.392.716.728</b>		<b>5.078.601.899.164</b>	
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.336.263.986.972</b>		<b>1.067.748.648.852</b>	
1. Tiền	111		1.406.398.845.432		723.534.498.572	
2. Các khoản tương đương tiền	112		929.865.141.540		344.214.150.280	
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.831.569.350.856</b>		<b>3.117.236.762.212</b>	
1. Phải thu khách hàng	131		2.721.574.424.748		3.003.523.651.056	
2. Trả trước cho người bán	132		60.036.807.108		53.631.975.032	
3. Các khoản phải thu khác	135		52.757.758.168		64.020.918.948	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.799.639.168)		(3.939.782.824)	
<b>III Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>889.811.524.704</b>		<b>787.832.554.888</b>	
1. Hàng tồn kho	141		890.867.153.256		788.888.180.412	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.055.628.552)		(1.055.625.524)	
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>180.747.854.196</b>		<b>105.783.933.212</b>	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		112.346.228.940		56.816.659.544	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		52.088.943.516		40.017.482.068	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-		31.450.280	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.312.681.740		8.918.341.320	
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+270)</b>	<b>200</b>		<b>13.614.597.690.552</b>		<b>14.005.016.860.116</b>	
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>12.941.029.261.896</b>		<b>13.317.644.351.704</b>	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	12.774.144.131.700		13.054.984.089.116	
- Nguyên giá	222		16.376.641.319.352		16.142.102.584.412	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.602.497.187.652)		(3.087.118.495.296)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	138.664.705.116		143.934.664.124	
- Nguyên giá	228		194.146.124.352		192.028.244.848	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55.481.419.236)		(48.093.580.724)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	28.220.425.080		118.725.598.464	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>462.747.950.616</b>		<b>458.296.979.264</b>	
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	<b>10,11</b>	429.342.235.680		425.072.403.600	
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>12</b>	33.405.714.936		33.224.575.664	
<b>III Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>209.061.742.224</b>		<b>227.085.413.748</b>	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>13</b>	186.847.936.584		203.470.252.444	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>14</b>	5.588.760.336		6.508.666.688	
3. Tài sản dài hạn khác	268		16.625.045.304		17.106.494.616	
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>270</b>	<b>15</b>	<b>1.758.735.816</b>		<b>1.990.115.400</b>	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	<b>280</b>		<b>19.852.990.407.280</b>		<b>19.083.618.759.280</b>	

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

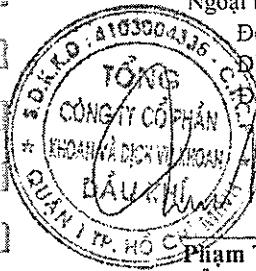
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

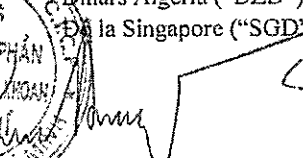

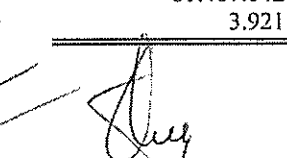
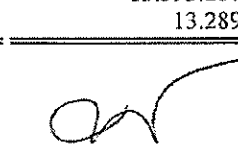
**MẪU B 01-DN/HN**  
 Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		30/6/2013	31/12/2012
	số	minh		
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>12.011.393.959.692</b>	<b>12.066.474.358.240</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.403.537.703.884</b>	<b>5.690.763.124.928</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.809.044.209.368	1.940.772.805.772
2. Phải trả người bán	312		1.634.562.117.096	2.229.154.481.992
3. Người mua trả tiền trước	313		19.684.563.216	15.007.323.808
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	169.761.340.404	263.164.383.500
5. Phải trả người lao động	315		130.176.279.432	108.736.968.708
6. Chi phí phải trả	316	18	1.178.798.581.272	768.856.184.916
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	216.281.023.956	149.870.810.748
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	136.397.718.504	135.696.107.068
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		108.831.870.636	79.504.058.416
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.607.856.255.808</b>	<b>6.375.711.233.312</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	1.974.498.618.096	1.151.539.338.776
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	4.172.348.838.396	4.867.903.560.084
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		24.948.801.180	25.160.703.044
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.747.166.016	5.403.199.760
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	23	434.312.832.120	325.704.431.648
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>7.813.738.809.364</b>	<b>6.992.136.471.376</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>7.813.738.809.364</b>	<b>6.992.136.471.376</b>
1. Vốn điều lệ	411		2.105.082.150.000	2.105.082.150.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.382.130.231.854	1.382.130.231.854
3. Cổ phiếu quỹ	414		(15.407.860.950)	(15.407.860.950)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		742.961.323.174	673.496.144.515
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		640.087.147.976	554.469.675.707
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		267.055.532.175	262.334.956.772
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.691.830.285.135	2.030.031.173.478
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>25</b>	<b>27.857.638.224</b>	<b>25.007.929.664</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (600=300+400+500)	<b>600</b>		<b>19.852.990.407.280</b>	<b>19.083.618.759.280</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Loại	30/6/2013	31/12/2012
Ngoại tệ các loại		
Đồng Euro ("EUR")	6.114	6.114
Dinars Algeria ("DZD")	61.407.042	63.593.207
Đô la Singapore ("SGD")	3.921	13.289



**Phạm Tiên Dũng**                      **Hồ Ngọc Yên Phương**                      **Đoàn Đức Tùng**                      **Trần Kim Hoàng**  
 Tổng Giám đốc                      Phó Tổng Giám đốc                      Kế toán trưởng                      Người lập biểu  
 Ngày 26 tháng 8 năm 2013

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	số	minh	đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	6.529.447.307.487	4.994.800.670.272
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		6.529.447.307.487	4.994.800.670.272
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	4.924.403.300.885	3.729.227.010.924
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.605.044.006.602	1.265.573.659.348
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	18.732.610.046	33.450.205.388
6. Chi phí tài chính	22	29	190.861.329.470	203.807.645.216
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>121.977.545.318</i>	<i>159.156.120.600</i>
7. Chi phí bán hàng	24		9.396.051.691	9.035.873.724
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		379.582.336.183	346.073.132.592
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-(21-22)-(24+25))	30		1.043.936.899.304	740.107.213.204
10. Thu nhập khác	31		21.007.646.880	11.887.997.560
11. Chi phí khác	32		6.410.656.926	3.180.373.116
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		14.596.989.954	8.707.624.444
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	10	18.439.892.834	28.400.102.712
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		1.076.973.782.092	777.214.940.360
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	30	136.217.866.890	111.079.348.072
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại	62	14	947.310.556	(1.280.630.408)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		939.808.604.646	667.416.222.696
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	25		3.360.602.737	4.364.503.211
- Lợi ích của các bên BCC	11		63.871.854.091	51.078.337.264
- Cổ đông của Tổng Công ty			<u>872.576.147.818</u>	<u>611.973.382.221</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	31	<u>4.152</u>	<u>3.166</u>



Phạm Tiên Dũng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 26 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương  
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng  
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU B 03-DN/HN**

Đơn vị tính: Đồng

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.076.973.782.092	777.214.940.360
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	519.037.319.642	444.379.334.760
Các khoản dự phòng	03	(2.284.244.136)	(1.598.361.548)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	32.769.350.255	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(29.292.448.045)	(43.117.125.856)
Chi phí lãi vay	06	121.977.545.318	159.156.120.600
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	1.719.181.305.126	1.336.034.908.316
Biến động các khoản phải thu	09	299.130.389.477	(597.439.849.568)
Biến động hàng tồn kho	10	(93.183.666.427)	88.232.989.904
Biến động các khoản phải trả	11	(171.220.987.768)	303.297.440.140
Biến động chi phí trả trước	12	(28.059.523.648)	(45.916.617.336)
Tiền lãi vay đã trả	13	(110.629.712.251)	(133.923.248.536)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(135.213.219.091)	(109.100.104.888)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(85.972.078.382)	(63.074.161.380)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.394.032.507.036	778.111.356.652
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(108.396.170.769)	(546.754.057.620)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	258.991.823	303.047.400
3. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	-	(62.275.720.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.887.814.516	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.512.561.377	39.188.694.292
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(73.736.803.053)	(569.538.035.928)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI</b>			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	813.960.000.000	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(1.510.863.120)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	399.635.048.361	1.146.748.315.592
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.289.906.201.823)	(1.131.828.531.868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(76.311.153.462)	13.408.920.604
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong kỳ	50	1.243.984.550.521	221.982.241.328
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.067.748.648.852	668.192.690.536
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	8.756.445.360	(1.846.818.760)
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đồng tiền hạch toán	62	15.774.342.239	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>2.336.263.986.972</u>	<u>888.328.113.104</u>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN

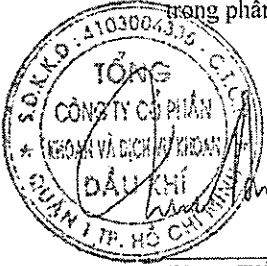
Đơn vị tính: Đồng

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm 14.980.085.688 đồng (kỳ 6 tháng năm 2012: 76.669.838.762 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 59.783.926.157 đồng (kỳ 6 tháng năm 2012: 459.851.956.088 đồng) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong kỳ này.

Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 18.445.996.317 đồng là số lãi phát sinh còn phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (kỳ 6 tháng năm 2012: 29.770.605.940 đồng). Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ đã bao gồm 27.495.086.872 đồng (kỳ 6 năm 2012: 75.016.540.848 đồng) là số lãi tiền gửi và cổ tức của năm trước đã thu trong kỳ này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 và 24, tiền nhận góp vốn của cổ đông trong kỳ với số tiền là 813.960.000.000 đồng là một phần khoản tiền nhận được từ đợt phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phiếu. Tuy nhiên đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để điều chỉnh và ghi nhận tăng vốn và khoản tiền này được trình bày như một khoản công nợ phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán. Do đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trong phần biến động các khoản phải trả trong phần lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh.



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty Mẹ, sáu công ty con và bảy công ty liên doanh, cụ thể như sau:

#### Công ty Mẹ

Công ty Mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 6 ngày 12 tháng 8 năm 2010 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 7 ngày 19 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là "Petro Việt Nam").

Công ty Mẹ có hai Xí nghiệp trực thuộc và một Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 9 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp điều hành Khoan.

#### Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại phòng 13, lầu 12A, Vicom Center, số 47 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Logging") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, sau đây gọi tắt là "PVD Tech") được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 7 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại lầu 8, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Training"), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là "PVD DeepWater"), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010. Trụ sở đăng ký của PVD DeepWater đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deep Water được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội ("MB") và Ngân hàng TMCP Đại Dương ("OCB") để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đồng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm ("PV Drilling V"). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 15.

#### Các công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là "BJ - PVD") là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty Mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là "PVD - Baker Hughes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty Mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này, tương đương 10,2 triệu đô la Mỹ. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, số vốn điều lệ Tổng Công ty còn phải góp vào liên doanh này là 6,2 triệu đô la Mỹ. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Công ty liên doanh PVD Drilling Overseas (sau đây gọi tắt là "PVD Overseas") được thành lập tại Singapore theo Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C do Cơ quan quản lý kế toán và doanh nghiệp (ACRA) Singapore cấp ngày 04 tháng 4 năm 2013. Tổng vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập của PVD Overseas là 1.000 đô la Mỹ và số vốn này sẽ được tăng lên tối đa là 70 triệu đô la Mỹ để đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới, trong đó Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại công ty này. Tiến độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm ứng 500.000 đô la Mỹ để PVD Overseas đặt cọc mua giàn khoan và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này, Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào liên doanh này với số tiền là 18.982.000 đô la Mỹ (bao gồm 500.000 đô la Mỹ đã tạm ứng trước đây).

Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International (sau đây gọi tắt là "PVD - PTI") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD-PTI là 4 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Logging nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD-PTI đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 3,5 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Tech nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil States Industries (sau đây gọi tắt là "PVD - OSI"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011 với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng (tương đương 5 triệu đô la Mỹ). PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của PVD - OSI. Hoạt động kinh doanh chính của PVD - OSI là sản xuất, chế tạo, ren, tiện các loại đầu nối ống và cấu kiện phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí.

Công ty TNHH Vietubes (sau đây gọi tắt là "Vietubes") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012 với vốn điều lệ là 77.297.205.000 đồng (tương đương 3.707.300 đô la Mỹ), PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Vietubes. Hoạt động kinh doanh chính của Vietubes là gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại, sản xuất các loại phụ kiện cơ khí phục vụ cho ngành khoan thăm dò, khai thác dầu khí và cơ khí hàng hải, ren, gia công, sửa chữa, phục hồi các loại ống chống, cần khoan, ống khai thác, ống dẫn và các phụ kiện ngành công nghiệp Dầu khí.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 10.

#### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng đô la Mỹ ("USD"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này được chuyển đổi từ báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đô la Mỹ sang đồng Việt Nam ("VNĐ") theo nguyên tắc: tỷ giá sử dụng quy đổi từ USD sang VNĐ đối với các khoản mục tài sản và công nợ (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí (bao gồm cả số liệu so sánh) được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ báo cáo và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC ("Thông tư 203") ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

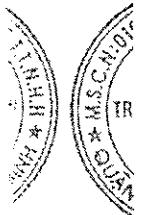
Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC ("Thông tư 89") sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ cũng như các số liệu về



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo của Tổng Công ty.

#### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và kho giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

#### Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

#### Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

#### *Tổng Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

#### *Tổng Công ty là bên đi thuê*

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

#### Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và chi phí duy tu bảo dưỡng giàn khoan, phát sinh trong kỳ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

#### Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần "Vốn chủ sở hữu" và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của năm và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong năm. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tiền mặt	3.533.395.884	2.640.990.400
Tiền gửi ngân hàng	1.402.865.449.548	720.893.508.172
Các khoản tương đương tiền	929.865.141.540	344.214.150.280
	<u>2.336.263.986.972</u>	<u>1.067.748.648.852</u>

Bao gồm trong số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 813.960.000.000 đồng tương đương 38.693.668 đô la Mỹ, là khoản tiền nhận về từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

cổ đông chiến lược theo phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 như trình bày tại Thuyết minh số 24. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo qui định, do đó khoản tiền nhận góp vốn này được theo dõi riêng biệt như một khoản phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán. Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	157.329.632.376	5.990.757.640
Nguyên liệu, vật liệu	374.071.092.300	497.600.644.116
Công cụ, dụng cụ	841.692.432	641.065.012
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	19.739.467.176	13.506.312.332
Hàng hoá	276.062.264.700	225.374.497.688
Hàng gửi đi bán	62.823.004.272	45.774.903.624
	<u>890.867.153.256</u>	<u>788.888.180.412</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(1.055.628.552)</u>	<u>(1.055.625.524)</u>
	<u><u>889.811.524.704</u></u>	<u><u>787.832.554.888</u></u>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	315.528.183.268	15.687.911.907.832	66.432.780.520	71.018.543.764	1.211.169.028	16.142.102.584.412
Tăng trong kỳ	2.239.374.162	42.589.416.951	3.522.209.635	124.090.267	-	48.475.091.015
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	526.170.229	104.999.947.022	384.415.274	-	-	105.910.532.525
Phân loại lại	(334.587.522)	(6.390.534.180)	(22.168.704.327)	(85.948.706)	(78.886.997)	(29.058.661.732)
Thanh lý	(36.995.856)	(721.398.361)	(1.818.150.511)	(426.118.936)	-	(3.002.663.664)
Chênh lệch tỷ giá	2.335.893.943	109.045.522.252	318.486.981	503.214.547	11.319.073	112.214.436.796
Tại ngày 30/6/2013	<u>320.258.038.224</u>	<u>15.937.434.861.516</u>	<u>46.671.037.572</u>	<u>71.133.780.936</u>	<u>1.143.601.104</u>	<u>16.376.641.319.352</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	71.582.503.520	2.927.424.366.628	41.717.046.868	45.973.561.088	421.017.192	3.087.118.495.296
Khấu hao trong kỳ	7.990.729.938	491.559.355.852	8.910.356.095	3.603.700.507	129.298.017	512.193.440.409
Phân loại lại	(195.207.301)	(3.774.764.679)	(17.036.258.392)	(85.948.706)	(71.950.274)	(21.164.129.352)
Giảm do thanh lý	(36.995.856)	(721.398.361)	(1.791.174.366)	(426.118.936)	-	(2.975.687.519)
Chênh lệch tỷ giá	393.655.811	26.333.327.156	228.770.243	364.546.731	4.768.877	27.325.068.818
Tại ngày 30/6/2013	<u>79.734.686.112</u>	<u>3.440.820.886.596</u>	<u>32.028.740.448</u>	<u>49.429.740.684</u>	<u>483.133.812</u>	<u>3.602.497.187.652</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2013	<u>240.523.352.112</u>	<u>12.496.613.974.920</u>	<u>14.642.297.124</u>	<u>21.704.040.252</u>	<u>660.467.292</u>	<u>12.774.144.131.700</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>243.945.679.748</u>	<u>12.760.487.541.204</u>	<u>24.715.733.652</u>	<u>25.044.982.676</u>	<u>790.151.836</u>	<u>13.054.984.089.116</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện tương ứng bằng VND và DZD sang USD.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 10.674.015.419.097 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 7.178.986.046.843 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 159.451.128.309 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 133.268.312.076 đồng).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	127.507.308.104	31.138.318.216	33.382.618.528	192.028.244.848
Tăng trong kỳ	-	208.310.000	-	208.310.000
Chênh lệch tỷ giá	1.273.358.944	302.833.152	333.377.408	1.909.569.504
Tại ngày 30/6/2013	<u>128.780.667.048</u>	<u>31.649.461.368</u>	<u>33.715.995.936</u>	<u>194.146.124.352</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	10.215.509.160	22.251.572.972	15.626.498.592	48.093.580.724
Khấu hao trong kỳ	1.114.583.486	2.815.434.636	2.913.861.111	6.843.879.233
Chênh lệch tỷ giá	112.986.490	246.242.272	184.730.517	543.959.279
Tại ngày 30/6/2013	<u>11.443.079.136</u>	<u>25.313.249.880</u>	<u>18.725.090.220</u>	<u>55.481.419.236</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2013	<u>117.337.587.912</u>	<u>6.336.211.488</u>	<u>14.990.905.716</u>	<u>138.664.705.116</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>117.291.798.944</u>	<u>8.886.745.244</u>	<u>17.756.119.936</u>	<u>143.934.664.124</u>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	11.652.955.308	9.542.889.728
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	5.585.415.612	5.530.188.076
Mua thiết bị khoan	-	94.606.961.916
Các công trình xây dựng cơ bản khác	10.982.054.160	9.045.558.744
	<u>28.220.425.080</u>	<u>118.725.598.464</u>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp	
			30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
BJ - PVD	5.000.000	49	48.039.113.955	48.039.113.955
PVD - PTI	4.000.000	51	34.238.560.029	34.238.560.029
PVD Tubulars	3.500.000	51	30.548.750.000	30.548.750.000
PVD - Baker Hughes	20.000.000	51	81.956.000.000	81.956.000.000
Vietubes	3.707.300	51	86.637.631.068	90.530.110.024
PVD - OSI	<u>5.000.000</u>	<u>51</u>	<u>53.111.400.000</u>	<u>53.111.400.000</u>

11/7/13

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
BJ - PVD	100.039.937.544	92.788.989.936
PVD - PTI	43.482.947.628	49.815.702.248
PVD Tubular	58.685.475.504	51.048.157.492
PVD - Baker Hughes	84.144.000.000	83.312.000.000
Vietubes	91.246.447.788	99.738.793.664
PVD - OSI	51.743.427.216	48.368.760.260
	<u>429.342.235.680</u>	<u>425.072.403.600</u>

Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong kỳ như sau:

	Tại ngày 31/12/2012	Lợi nhuận trước giai đoạn đầu tư	Lợi nhuận được chia	Lợi nhuận đã công bố	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	Tại ngày 30/6/2013
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
BJ - PVD	92.788.989.936	-	6.262.673.502	-	988.274.106	100.039.937.544
PVD - PTI	49.815.702.248	-	814.617.086	(7.571.651.880)	424.280.174	43.482.947.628
PVD Tubulars	51.048.157.492	-	7.265.998.617	-	371.319.395	58.685.475.504
PVD - Baker Hughes	83.312.000.000	-	-	-	832.000.000	84.144.000.000
Vietubes	99.738.793.664	(3.892.478.956)	1.271.053.377	(6.735.995.484)	865.075.187	91.246.447.788
PVD - OSI	48.368.760.260	-	2.844.264.740	-	530.402.216	51.743.427.216
	<u>425.072.403.600</u>	<u>(3.892.478.956)</u>	<u>18.458.607.322</u>	<u>(14.307.647.364)</u>	<u>4.011.351.078</u>	<u>429.342.235.680</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này, Tổng Công ty chưa góp đủ vốn vào PVD - Baker Hughes và báo cáo tài chính của PVD - Baker Hughes vẫn chưa chính thức phê duyệt bởi Hội đồng thành viên của liên doanh, do đó Tổng Công ty vẫn hạch toán khoản đầu tư vào liên doanh này theo phương pháp giá gốc.

Chi tiết khoản đầu tư vào Vietubes như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Khoản vốn góp vào liên doanh	111.497.040.350	111.497.040.350
Lợi nhuận được chia của giai đoạn trước đầu tư	(24.709.148.956)	(20.816.670.000)
Chênh lệch tỷ giá	<u>(150.260.326)</u>	<u>(150.260.326)</u>
<b>Giá trị thuần của khoản đầu tư</b>	<b>86.637.631.068</b>	<b>90.530.110.024</b>
<i>Trong đó: Phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại liên doanh</i>	<i>60.968.349.920</i>	<i>64.860.828.876</i>
<i>Lợi thế thương mại</i>	<i>25.669.281.148</i>	<i>25.669.281.148</i>
<b>Lợi nhuận được chia</b>	<b>4.608.816.720</b>	<b>9.208.683.640</b>
<i>Trong đó: Lợi nhuận được chia đầu kỳ</i>	<i>9.208.683.640</i>	<i>-</i>
<i>Lợi nhuận được chia trong kỳ</i>	<i>2.560.926.637</i>	<i>11.133.878.164</i>
<i>Lợi nhuận đã nhận trong kỳ</i>	<i>(6.735.995.484)</i>	<i>-</i>
<i>Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ</i>	<i>(1.289.873.260)</i>	<i>(1.925.194.524)</i>
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>865.075.187</i>	<i>-</i>
<b>Giá trị khoản đầu tư cuối kỳ</b>	<b><u>91.246.447.788</u></b>	<b><u>99.738.793.664</u></b>

**11. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC**

Tổng Công ty cùng với Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OCB”) hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan “TAD” hay giàn khoan “PV Drilling V”) với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ (%)
Phần vốn góp của Petro Việt Nam:	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty:	62,43
Phần vốn góp của MB:	9,71
Phần vốn góp của OCB:	4,86

Tình hình tài chính của hợp đồng hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tổng tài sản	4.691.739.395.762	4.726.332.468.471
<i>Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định – giàn khoan PV</i>	<u>4.121.823.351.649</u>	<u>4.121.823.351.649</u>

Số vốn thực góp của các đối tác trong BCC ghi nhận Phải trả dài hạn khác:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
- PVN	956.087.283.540	947.088.004.220
- MB	133.229.238.748	133.229.238.748
- OCB	68.756.768.760	68.756.768.760
- Khác	2.465.327.048	2.465.327.048
	<u>1.160.538.618.096</u>	<u>1.151.539.338.776</u>

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Doanh thu	783.822.157.808	596.683.403.526
Giá vốn	431.713.383.667	314.571.440.161
Chi phí quản lý	99.146.694.966	89.281.866.963
Chi phí tài chính	94.604.583.312	64.807.253.525
Doanh thu tài chính	1.988.291.677	1.002.957.601
Doanh thu khác	816.709.134	5.390.870.847
Lợi nhuận thuần	161.162.496.674	134.416.671.325
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	8.845.100.055	-
Lợi nhuận phân phối cho liên doanh	170.007.596.729	134.416.671.325
<i>Phân chia theo tỷ lệ vốn góp</i>		
Tổng Công ty	97.290.642.583	83.338.334.061
Các bên BCC:	63.871.854.091	51.078.337.264
<i>Petro Việt Nam</i>	39.101.747.248	30.915.833.520
<i>MB</i>	16.507.737.642	13.441.662.220
<i>OCB</i>	<u>8.262.369.201</u>	<u>6.720.841.524</u>

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này, kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2012 và kỳ 6 tháng năm 2013 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Bảo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	20.000.000.000	20.000.000.000
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	10.000.000.000	10.000.000.000
Chênh lệch tỷ giá	3.405.714.936	3.224.575.664
	<u><u>33.405.714.936</u></u>	<u><u>33.224.575.664</u></u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	43.409.195.412	58.149.380.780
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	7.718.886.732	12.407.614.504
Chi phí sửa chữa cho giàn PV Drilling I	40.454.899.572	3.768.014.308
Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn	58.688.189.148	93.206.216.432
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling V	22.783.166.016	27.507.289.664
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.793.599.704	8.431.736.756
	<u><u>186.847.936.584</u></u>	<u><u>203.470.252.444</u></u>

**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VNĐ</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
Tại ngày 01/01/2012	4.711.460.224	(1.003.680.492)	3.707.779.732
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	119.177.816	2.681.709.140	2.800.886.956
Tại ngày 31/12/2012	4.830.638.040	1.678.028.648	6.508.666.688
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(155.878.373)	(791.432.183)	(947.310.556)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	14.795.813	12.608.391	27.404.204
Tại ngày 30/6/2013	<u><u>4.689.555.480</u></u>	<u><u>899.204.856</u></u>	<u><u>5.588.760.336</u></u>

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN ĐẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Tên công ty con	30/6/2013				31/12/2012			
	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ đã góp	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ đã góp	Giá trị khoản đầu tư
	%	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND
PVD Offshore	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000
PVD Well	100	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	100	50.000.000.000	50.000.000.000	50.000.000.000
PVD Logging	100	80.000.000.000	50.000.000.000	80.000.000.000	100	80.000.000.000	50.000.000.000	80.000.000.000
PVD Tech	100	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	100	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
PVD Training	52	28.958.670.000	14.996.960.000	19.755.753.400	52	28.958.670.000	14.996.960.000	19.755.753.400
PVD DeepWater	100	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000
				<u>559.755.753.400</u>				<u>529.755.753.400</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035123077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2012 vốn điều lệ đăng ký của PVD Well là 80.000.000.000 đồng. Trong kỳ, Công ty Mẹ đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well với tổng vốn điều lệ đã góp là 1.438.091 đô la Mỹ tương đương với 30.000.000.000 đồng.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 đô la Mỹ.

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong kỳ như sau:

	Lợi thế thương mại VND
Giá trị lợi thế thương mại tại thời điểm đầu tư	4.285.636.640
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	739.316.824
Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 30/6/2013	<u>5.024.953.464</u>
<b>GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2013	2.985.152.272
Phân bổ trong kỳ	248.805.464
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	32.259.912
Tại ngày 30/6/2013	<u>3.266.217.648</u>
<b>GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 30/6/2013	<u>1.758.735.816</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.990.115.400</u>

**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	273.468.000.000	402.959.836.700
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	1.535.576.209.368	1.537.812.969.072
	<u>1.809.044.209.368</u>	<u>1.940.772.805.772</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Ngân hàng HSBC Việt Nam	-	172.124.424.864
Ngân hàng Vietcombank	-	230.835.411.836
Ngân hàng DBS - Chi nhánh Việt Nam	42.072.000.000	-
Ngân hàng ANZ	42.072.000.000	-
Ngân hàng Mizuho	42.072.000.000	-
Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")	147.252.000.000	-
	<u>273.468.000.000</u>	<u>402.959.836.700</u>

Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

	Hạn mức tín dụng
	USD
DBS Bank - Vietnam Branch	2.000.000
ANZ Bank	17.000.000
Mizuho Bank	10.000.000
Standard Chartered Bank ("SCB")	25.000.000

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	29.597.588.892	114.947.274.296
Thuế nhập khẩu	17.501.952	3.687.180.840
Thuế thu nhập doanh nghiệp	74.436.411.900	72.674.078.172
Thuế thu nhập cá nhân	43.798.992.492	24.949.819.544
Các loại thuế khác	21.910.845.168	46.906.030.648
	<u>169.761.340.404</u>	<u>263.164.383.500</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong kỳ của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2013	Số phải nộp	Chênh lệch tỷ giá do		30/6/2013
			Số đã nộp	chuyển đổi báo cáo	
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	114.947.274.296	352.185.904.927	437.738.156.422	202.566.091	29.597.588.892
Thuế xuất nhập khẩu	3.687.180.840	22.052.071.558	25.721.775.223	24.777	17.501.952
Thuế thu nhập doanh nghiệp	72.674.078.172	136.217.866.890	135.213.219.091	757.685.929	74.436.411.900
Thuế thu nhập cá nhân	24.949.819.544	275.344.220.493	257.611.240.832	1.116.193.287	43.798.992.492
Thuế môn bài	-	22.976.593	23.000.000	23.407	-
Các loại thuế khác	46.906.030.648	274.841.797.604	301.164.509.168	1.327.526.084	21.910.845.168
	<u>263.164.383.500</u>	<u>1.060.664.838.065</u>	<u>1.157.471.900.736</u>	<u>3.404.019.575</u>	<u>169.761.340.404</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn	642.102.380.172	443.259.059.124
Trích trước chi phí lãi vay	108.923.671.740	96.500.435.396
Phí quản lý Petro Việt Nam	11.736.110.616	14.468.336.824
Các khoản khác	416.036.418.744	214.628.353.572
	<u>1.178.798.581.272</u>	<u>768.856.184.916</u>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Cổ tức phải trả	5.140.335.924	5.287.333.596
Phải trả các bên BCC	195.321.889.500	131.450.027.676
Các khoản phải trả khác	15.818.798.532	13.133.449.476
	<u>216.281.023.956</u>	<u>149.870.810.748</u>

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt theo quyết định của Tổng Công ty.

**21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Vốn thực góp của các đối tác trong BCC (TM số 11)	1.160.538.618.096	1.151.539.338.776
Tiền nhận từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ (TM số 24)	813.960.000.000	-
	<u>1.974.498.618.096</u>	<u>1.151.539.338.776</u>

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Các khoản vay dài hạn	5.707.925.047.764	6.405.716.529.156
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	(1.535.576.209.368)	(1.537.812.969.072)
	<u>4.172.348.838.396</u>	<u>4.867.903.560.084</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Bảo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Ngân hàng Vietcombank	696.924.215.628	800.560.149.365
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC")	-	29.053.497.900
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	2.458.861.794.972	2.674.071.033.356
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	846.699.000.000	1.077.849.000.000
MB và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	1.060.085.891.076	1.124.575.652.190
MB và OCB	376.999.072.104	399.683.996.345
Ngân hàng Standard Charter ("SCB")	265.053.600.000	299.923.200.000
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo	3.301.473.984	-
	<b>5.707.925.047.764</b>	<b>6.405.716.529.156</b>

Chi tiết hợp đồng vay theo nguyên tệ

Ngân hàng	Mục đích tài trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ 30/6/2013	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	15.372.153	USD
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	102.188.277	USD
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	14.700.000	USD
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giàn PV Drilling III	40.250.000	USD
MB và Vietinbank	Giàn PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	50.393.891	USD
SCB	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	12.600.000	USD
MB và OCB	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	17.921.614	USD
Vietcombank	Giàn PVDrilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	14.625.904	USD
Vietcombank	Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại khu công nghiệp Đông Xuyên	Tiết kiệm 5 năm + 2%	Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm.	3.587.350.298	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	8.142.329.511	VND
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo tua ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tài sản hình thành từ dự án	2.574.416	USD

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong vòng một năm	1.535.576.209.368	1.537.812.969.072
Trong năm thứ hai	1.306.253.664.780	1.513.091.729.068
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.062.973.993.604	2.254.325.496.706
Sau năm năm	803.121.180.012	1.100.486.334.310
	<u>5.707.925.047.764</u>	<u>6.405.716.529.156</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(1.535.576.209.368)</u>	<u>(1.537.812.969.072)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>4.172.348.838.396</u>	<u>4.867.903.560.084</u>

**23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 VNĐ
Số dư đầu kỳ	325.704.431.648	145.390.707.948
Số quỹ được trích lập	105.957.506.510	180.724.056.128
Số quỹ đã sử dụng	(42.910.000)	(412.172.659)
Chênh lệch tỷ giá	2.693.803.962	1.840.231
Số dư cuối kỳ	<u>434.312.832.120</u>	<u>325.704.431.648</u>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 6, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 2.105.082.150.000 đồng.

Cổ phần	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	210.508.215	210.508.215
Số lượng cổ phiếu quỹ	348.480	348.480
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	210.159.735	210.159.735
Mệnh giá của cổ phần (đồng/cổ phần)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 106.055.468 cổ phần tương ứng 50,46% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty. Ngoài ra, Deutsche Bank AG London là cổ đông lớn của Tổng Công ty với số lượng cổ phần đang nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 12.445.892 cổ phần tương ứng 5,92% (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 12.788.832 cổ phần tương ứng 6,09%).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, trong kỳ Tổng Công ty đã thực hiện việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần cho các cổ đông chiến lược. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã thu được một phần vốn với số tiền là 813.960.000.000 đồng tương đương 38.693.668 đô la Mỹ từ đợt phát hành riêng lẻ này như trình bày tại Thuyết minh số 5. Và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này, Tổng Công ty đã hoàn tất việc thu tiền từ việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần này với tổng số tiền thu được là 1.453.947.216.000 đồng tương đương 68.824.892,86 đô la Mỹ, nâng tổng số lượng cổ phần của Tổng Công ty lên thành 248.508.215 cổ phần. Tại ngày 19 tháng 8 năm 2013, Tổng Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 7 với số vốn điều lệ là 2.485.082.150.000 đồng và tại ngày 23 tháng 8 năm 2013, Tổng Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết bổ sung đối với số lượng số phiếu phát hành thêm này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

MẪU B 09-DN/HN

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Tại ngày 01/01/2012	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(44.395.487.786)	742.857.627.650	424.631.464.467	209.854.853.452	1.381.996.414.271	6.202.157.253.908
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(315.239.602.500)	(315.239.602.500)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.524.783.752)	-	-	-	-	(1.524.783.752)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	30.512.410.588	-	-	-	-	30.512.410.588
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(69.361.483.135)	-	-	-	(69.361.483.135)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.447.522.797.608	1.447.522.797.608
Phân phối quỹ	-	-	-	-	129.838.211.240	52.480.103.320	(363.694.412.056)	(181.376.097.496)
Phân phối cho Lợi ích cổ đồng thiếu số	-	-	-	-	-	-	(8.308.995.097)	(8.308.995.097)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(112.245.028.748)	(112.245.028.748)
Tại ngày 31/12/2012	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	673.496.144.515	554.469.675.707	262.334.956.772	2.030.031.173.478	6.992.136.471.376
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	69.465.178.659	-	-	-	69.465.178.659
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	939.808.604.646	939.808.604.646
Phân phối quỹ	-	-	-	-	85.617.472.269	4.720.575.403	(210.777.036.161)	(120.438.988.489)
Phân phối cho Lợi ích cổ đồng thiếu số	-	-	-	-	-	-	(3.360.602.737)	(3.360.602.737)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(63.871.854.091)	(63.871.854.091)
Tại ngày 30/6/2013	2.105.082.150.000	1.382.130.231.854	(15.407.860.950)	742.961.323.174	640.087.147.976	267.055.532.175	2.691.830.285.135	7.813.738.909.364

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 5 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt là 15% vốn điều lệ. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này, Tổng Công ty chưa công bố việc chia cổ tức cho cổ đông.

Theo nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt là 20% vốn điều lệ với 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này, Tổng Công ty chưa công bố việc chia cổ tức cho cổ đông.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) VNĐ	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con VNĐ	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các tài khoản ngắn hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ VNĐ	Tổng số VNĐ
Tại 01/01/2012	17.715.858.041	724.444.758.889	697.010.720	742.857.627.650
Phát sinh trong năm	<u>(19.607.979.072)</u>	<u>(49.056.493.343)</u>	<u>(697.010.720)</u>	<u>(69.361.483.135)</u>
Tại 31/12/2012	(1.892.121.031)	675.388.265.546	-	673.496.144.515
Phát sinh trong kỳ	<u>(1.730.264.522)</u>	<u>71.195.443.181</u>	-	<u>69.465.178.659</u>
Tại 30/6/2013	<u><u>(3.622.385.553)</u></u>	<u><u>746.583.708.727</u></u>	-	<u><u>742.961.323.174</u></u>

**25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:

	VNĐ
Vốn điều lệ của công ty con (PVD Training)	28.958.670.000
Trong đó:	
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	14.996.960.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>13.961.710.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u><u>48,21%</u></u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Tổng tài sản	85.088.082.574	87.740.656.599
Tổng nợ phải trả	<u>(27.307.163.588)</u>	<u>(35.839.849.332)</u>
Tài sản thuần	<u><u>57.780.918.986</u></u>	<u><u>51.900.807.267</u></u>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	28.958.670.000	28.958.670.000
Thặng dư vốn cổ phần	312.482.400	312.482.400
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	-	-
Các quỹ khác	6.507.449.707	5.417.171.027
Lợi nhuận chưa phân phối	<u><u>22.002.316.879</u></u>	<u><u>17.212.483.840</u></u>

250  
1 HI  
ĐNC  
NHỆ  
LỘ  
ỆT  
TP.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>	<b>27.857.638.224</b>	<b>25.007.929.664</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	13.961.700.000	13.961.700.000
Thặng dư vốn cổ phần	125.760.000	125.760.000
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	14.757.418	-
Các quỹ khác	3.147.545.252	2.621.894.220
Lợi nhuận chưa phân phối	<u>10.607.875.554</u>	<u>8.298.575.444</u>
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh:</b>		
	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trong kỳ	6.970.390.399	9.052.630.961
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>3.360.602.737</u>	<u>4.364.503.211</u>

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đề phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan ("DV khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại ("Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.
- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác ("Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

	DV khoan	Thương mại	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	15.300.820.963.068	1.153.428.618.336	16.197.109.363.060	(12.798.368.558.220)	19.852.990.386.244
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất					<u>19.852.990.386.244</u>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	14.975.065.334.532	887.327.173.104	8.303.326.028.340	(12.154.324.576.284)	12.011.393.959.692
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất					<u>12.011.393.959.692</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

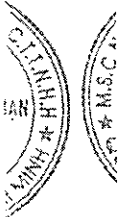
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

	DV khoan <u>VND</u>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ khác <u>VND</u>	Loại trừ <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Doanh thu gộp	4.603.179.490.315	418.365.137.856	2.083.419.630.864	(575.516.951.548)	6.529.447.307.487
Doanh thu thuần	4.603.179.490.315	418.365.137.856	2.083.419.630.864	(575.516.951.548)	6.529.447.307.487
Giá vốn hàng bán	3.395.789.670.622	396.059.948.817	1.576.504.411.728	(443.950.730.282)	4.924.403.300.885
Lợi nhuận gộp	1.207.389.819.693	22.305.189.039	506.915.219.136	(131.566.221.266)	1.605.044.006.602
Doanh thu hoạt động tài chính	8.333.670.691	9.173.076.667	164.803.664.922	(163.577.802.234)	18.732.610.046
Chi phí tài chính	160.793.301.633	6.555.203.235	33.695.100.726	(10.182.276.124)	190.861.329.470
Chi phí bán hàng	4.507.650.552	53.806.473	4.734.594.666	-	9.396.051.691
Chi phí quản lý doanh nghiệp	204.567.065.089	14.744.952.547	291.587.734.349	(131.317.415.802)	379.582.336.183
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	845.755.473.110	10.124.303.451	341.701.454.317	(153.644.331.574)	1.043.936.899.304
Thu nhập khác	5.532.692.769	861.403.512	14.613.550.599	-	21.007.646.880
Chi phí khác	151.337.215	943.186.018	5.316.133.693	-	6.410.656.926
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	5.381.355.554	(81.782.506)	9.297.416.906	-	14.596.989.954
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	18.439.892.834
Lợi nhuận kế toán trước thuế	851.136.828.664	10.042.520.945	350.998.871.223	(153.644.331.574)	1.076.973.782.092
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	156.217.866.890
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	947.310.556
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	<u>939.808.604.646</u>

**Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	DV khoan <u>VND</u>	Thương mại <u>VND</u>	Dịch vụ khác <u>VND</u>	Loại trừ <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tài sản					
Tài sản bộ phận	15.833.975.776.740	1.426.522.466.736	15.377.012.185.208	(13.553.891.669.404)	19.083.618.759.280
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng tài sản hợp nhất	-	-	-	-	<u>19.083.618.759.280</u>
Nợ phải trả					
Nợ phải trả bộ phận	15.591.251.659.192	1.180.511.649.132	8.229.139.467.520	(12.934.428.417.604)	12.066.474.358.240
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả hợp nhất	-	-	-	-	<u>12.066.474.358.240</u>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***Kết quả hoạt động kinh doanh**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

	DV khoan VNĐ	Thương mại VNĐ	Dịch vụ khác VNĐ	Loại trừ VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Doanh thu góp	2.591.968.994.360	949.170.533.456	1.961.797.401.264	(508.136.258.808)	4.994.800.670.272
Doanh thu thuần	2.591.968.994.360	949.170.533.456	1.961.797.401.264	(508.136.258.808)	4.994.800.670.272
Giá vốn hàng bán	1.801.379.187.176	899.247.046.308	1.418.708.321.836	(390.107.544.396)	3.729.227.010.924
Lợi nhuận góp	790.589.807.184	49.923.487.148	543.089.079.428	(118.028.714.412)	1.265.573.659.348
Doanh thu hoạt động tài chính	8.390.497.316	8.798.934.396	215.873.826.316	(199.613.052.640)	33.450.205.388
Chi phí tài chính	160.004.570.008	4.223.960.056	39.579.115.152	-	203.807.645.216
Chi phí bán hàng	2.582.672.000	553.712.380	5.899.489.344	-	9.035.873.724
Chi phí quản lý doanh nghiệp	199.386.568.968	24.540.028.644	239.926.500.588	(117.779.965.608)	346.073.132.592
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	437.006.493.524	29.404.720.464	473.557.800.660	(199.861.801.444)	740.107.213.204
Thu nhập khác	9.787.389.620	86.269.576	2.014.338.364	-	11.887.997.560
Chi phí khác	2.962.574.720	160.417.256	57.381.140	-	3.180.373.116
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	6.824.814.900	(74.147.680)	1.956.957.224	-	8.707.624.444
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	28.400.102.712
Lợi nhuận kế toán trước thuế	443.831.308.424	29.330.572.784	475.514.757.884	(199.861.801.444)	777.214.940.360
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	111.079.348.072
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	(1.280.630.408)
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	<u>667.416.222.696</u>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	542.525.001.227	900.603.636.432
Chi phí nhân công	1.361.427.669.688	1.265.046.627.636
Chi phí khấu hao tài sản cố định	522.916.218.490	444.379.334.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.365.711.010.688	1.073.540.020.048
Chi phí khác	520.801.788.666	400.766.398.364
	<u>5.313.381.688.759</u>	<u>4.084.336.017.240</u>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.869.344.997	15.573.345.536
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.863.265.049	17.876.859.852
	<u>18.732.610.046</u>	<u>33.450.205.388</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Bảo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	121.977.545.318	159.156.120.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	32.769.350.255	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.696.335.163	30.010.961.060
Chi phí tài chính khác	8.418.098.734	14.640.563.556
	<b>190.861.329.470</b>	<b>203.807.645.216</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	1.076.973.782.092	777.214.940.360
<b>Điều chỉnh cho các khoản:</b>		
Thu nhập không chịu thuế	(148.244.165.627)	(197.125.335.492)
Chi phí thực hiện từ nguồn trích của năm trước	(880.213.905)	6.072.965.756
Chênh lệch đánh giá lại khoản phải trả ngắn hạn	-	(3.286.096.044)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.600.279.082	10.190.348.936
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>929.449.681.642</b>	<b>593.066.823.516</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	143.064.266.674	111.106.882.688
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	(6.846.399.784)	(27.534.616)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>136.217.866.890</b>	<b>111.079.348.072</b>

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành (25%), ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

- Công ty Mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).
- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 25% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 25% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
  - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Bảo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

- Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD DeepWater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V. PVD DeepWater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	872.576.147.818	663.051.719.485
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	872.576.147.818	663.051.719.485
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	210.159.735	209.818.987
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.152</b>	<b>3.166</b>

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm phần lợi nhuận của hợp đồng BCC với số tiền là 1.617.329 Đô la Mỹ (trong đó lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 835.059 đô la Mỹ và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của BCC cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 2.452.388 đô la Mỹ). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận do chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại phân lợi nhuận của hợp đồng BCC phân bổ cho các bên BCC và lợi ích thuộc cổ đông của Tổng Công ty. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ được trình bày lại như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (trình bày lại) VNĐ
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	872.576.147.818	611.973.382.221
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	872.576.147.818	611.973.382.221
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	210.159.735	209.818.987
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.152</b>	<b>3.166</b>

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty chưa thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông như đã nêu tại Thuyết minh 24, Tổng Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu từ việc phát hành thêm cổ phần phổ thông để trả cổ tức do chưa có hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính.

00-  
HÁ  
G 1  
EM  
HT  
NÁ  
HC

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Các khoản vay	5.981.393.047.764	6.808.676.365.856
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.336.263.986.972	1.067.748.648.852
Nợ thuần	3.645.129.060.792	5.740.927.717.004
Vốn chủ sở hữu	7.813.738.809.364	6.992.136.471.376
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,47</u>	<u>0,82</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.336.263.986.972	1.067.748.648.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.771.532.547.680	3.063.604.787.180
Các khoản đầu tư khác	33.405.714.936	33.224.575.664
Các khoản ký quỹ, ký cược	19.609.329.923	26.024.835.936
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.160.811.579.511</u></b>	<b><u>4.190.602.847.632</u></b>
Các khoản vay và nợ	5.981.393.047.764	6.808.676.365.856
Phải trả người bán và phải trả khác	1.850.843.141.052	2.379.025.292.740
Chi phí phải trả	1.178.798.581.272	768.856.184.916
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>9.011.034.770.088</u></b>	<b><u>9.956.557.843.512</u></b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

11/07/2013

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Bảo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
USD (các công ty con)	2.095.968.652.011	4.759.755.245.490	2.649.580.105.430	1.572.378.065.078
VNĐ (Công ty Mẹ)	237.780.468.152	391.667.894.844	1.844.842.924.442	992.653.857.208
DZD	22.324.976.428	23.654.984.440	117.706.362.249	34.929.430.776
SGD	6.146.230.897	10.256.956.971	65.886.856	327.065.384
EUR	6.097.330.335	5.591.786.674	174.994.908	3.901.134.235
Norwegian krone (NOK)	38.806.371	768.761.480	-	-
Bạt Thái (THB)	-	294.237.156	-	-
GBP	445.497.045	604.699.324	-	-
AUD	624.177.247	-	-	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty Mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng của thay đổi của đồng đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Việt Nam đồng so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

	30/6/2013
	<u>VNĐ</u>
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty Mẹ	32.141.240.976
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	11.072.229.068
Tăng/giảm lợi nhuận hợp nhất	<u><u>21.069.011.908</u></u>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

#### *Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 19.217.141.652 đồng.

#### **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

#### **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TRÍ  
KHN

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

30/6/2013	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.336.263.986.972	-	-	2.336.263.986.972
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.771.532.547.680	-	-	2.771.532.547.680
Các khoản đầu tư khác	-	9.955.518.396	23.450.196.540	33.405.714.936
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.984.284.619	16.625.045.304	-	19.609.329.923
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.110.780.819.271</b>	<b>26.580.563.700</b>	<b>23.450.196.540</b>	<b>5.160.811.579.511</b>
Các khoản vay và nợ	1.809.044.209.368	3.369.227.658.384	803.121.180.012	5.981.393.047.764
Phải trả người bán và phải trả khác	1.850.843.141.052	-	-	1.850.843.141.052
Chi phí phải trả	1.178.798.581.272	-	-	1.178.798.581.272
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.838.685.931.692</b>	<b>3.369.227.658.384</b>	<b>803.121.180.012</b>	<b>9.011.034.770.088</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>272.094.887.579</b>	<b>(3.342.647.094.684)</b>	<b>(779.670.983.472)</b>	<b>(3.850.223.190.577)</b>
31/12/2012	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Trên 5 năm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.067.748.648.852	-	-	1.067.748.648.852
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.063.604.787.180	-	-	3.063.604.787.180
Các khoản đầu tư khác	-	10.006.248.400	23.218.327.264	33.224.575.664
Các khoản ký quỹ, ký cược	8.918.341.320	17.106.494.616	-	26.024.835.936
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.140.271.777.352</b>	<b>27.112.743.016</b>	<b>23.218.327.264</b>	<b>4.190.602.847.632</b>
Các khoản vay và nợ	1.940.772.805.772	3.767.286.473.540	1.100.617.086.544	6.808.676.365.856
Phải trả người bán và phải trả khác	2.379.025.292.740	-	-	2.379.025.292.740
Chi phí phải trả	768.856.184.916	-	-	768.856.184.916
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.088.654.283.428</b>	<b>3.767.286.473.540</b>	<b>1.100.617.086.544</b>	<b>9.956.557.843.512</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(948.382.506.076)</b>	<b>(3.740.173.730.524)</b>	<b>(1.077.398.759.280)</b>	<b>(5.765.954.995.880)</b>

**33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi này, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi***34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>20.374.655.283</u>	<u>21.654.871.600</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong vòng một năm	40.300.221.864	37.671.228.696
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	68.433.410.652	95.959.573.892
Sau năm năm	<u>32.726.231.100</u>	<u>188.548.510.888</u>
	<u><b>141.459.863.616</b></u>	<u><b>322.179.313.476</b></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Thời gian thuê được thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 38 năm.

**35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	2.146.413.019.966	1.170.148.969.324
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>1.325.241.032.816</u>	<u>1.377.645.857.352</u>
<b>Mua hàng</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	97.959.712.405	66.367.505.568
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>72.381.164.249</u>	<u>235.972.721.348</u>
<b>Vay từ PVFC</b>		
Lãi vay đã trả	250.321.441	1.153.829.544
Hoàn trả nợ gốc trong năm	<u>29.059.077.600</u>	<u>29.053.497.900</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Lương	2.672.641.440	3.842.040.634
Tiền thưởng	2.003.434.272	4.140.973.966
Các khoản phúc lợi khác	141.699.264	120.000.000
	<u><b>4.817.774.976</b></u>	<u><b>8.103.014.600</b></u>

H  
Y  
H  
H  
T  
E  
C  
H  
N  
I  
C  
H  
I



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

**Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi*

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	655.958.573.211	87.444.483.480
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>423.589.254.245</u>	<u>1.086.553.791.836</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	41.545.895.029	75.820.397.508
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	-	-
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>66.665.262.169</u>	<u>50.853.686.456</u>
<b>Các khoản vay phải trả</b>		
PVFC	<u>-</u>	<u>29.053.497.900</u>
<b>Lãi vay phải trả</b>		
PVFC	<u>-</u>	<u>92.205.556</u>
<b>Phải trả khác</b>		
Petro Việt Nam	<u>956.087.299.723</u>	<u>947.358.414.144</u>

**36. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUY ĐỔI**

Báo cáo tài chính hợp nhất quy đổi cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 26 tháng 8 năm 2013.



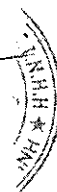
Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ  
KHOAN DẦU KHÍ**

*(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 40



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu Khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	
Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch
Ông Phạm Tiến Dũng	Thành viên
Ông Dương Xuân Quang	Thành viên
Bà Đinh Thị Thái	Thành viên
Bà Kiều Thị Hoài Minh	Thành viên
Ông Lê Văn Bé	Thành viên
Ông Trần Văn Hoạt	Thành viên

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	
Ông Phạm Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Hoạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Văn Đức Tòng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Văn Vinh	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

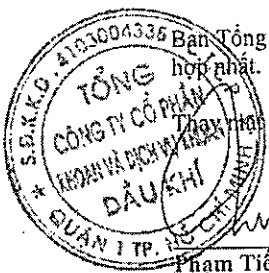
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Phạm Tiến Dũng và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Tiến Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 8 năm 2013

Số: 132/VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (gọi tắt là “Công ty Mẹ”) và các công ty con (được gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập tại ngày 26 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 40. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Phó Tổng Giám đốc kiêm**  
Giám đốc chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 26 tháng 8 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

  
**Nguyễn Thị Thu Sang**  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm  
toán số 1144-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN/HN  
 Đơn vị tính: Đô la Mỹ

TÀI SẢN	Mã Thuyết		30/6/2013	31/12/2012
	số	minh		
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>296.557.935</b>	<b>243.835.313</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>111.060.277</b>	<b>51.265.059</b>
1. Tiền	111		66.856.762	34.738.549
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.203.515	16.526.510
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>134.605.883</b>	<b>149.665.679</b>
1. Phải thu khách hàng	131		129.376.993	144.206.052
2. Trả trước cho người bán	132		2.854.003	2.574.994
3. Các khoản phải thu khác	135		2.507.975	3.073.791
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(133.088)	(189.158)
<b>III Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>42.299.464</b>	<b>37.825.646</b>
1. Hàng tồn kho	141		42.349.646	37.876.329
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(50.182)	(50.683)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.592.311</b>	<b>5.078.929</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.340.665	2.727.898
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.476.181	1.921.331
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.510
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		775.465	428.190
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+270)</b>	<b>200</b>		<b>647.204.682</b>	<b>672.412.947</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>615.184.886</b>	<b>639.410.618</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	607.251.575	626.799.697
- Nguyên giá	222		778.505.482	775.019.329
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(171.253.907)	(148.219.632)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>8</b>	6.591.781	6.910.633
- Nguyên giá	228		9.229.232	9.219.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.637.451)	(2.309.083)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>9</b>	1.341.530	5.700.288
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>21.997.906</b>	<b>22.003.888</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	<b>10,11</b>	20.409.880	20.408.700
2. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>12</b>	1.588.026	1.595.188
<b>III Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.938.284</b>	<b>10.902.891</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>13</b>	8.882.294	9.769.073
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	<b>14</b>	265.676	312.496
3. Tài sản dài hạn khác	268		790.314	821.322
<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	<b>270</b>	<b>15</b>	<b>83.606</b>	<b>95.550</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)</b>	<b>280</b>		<b>943.762.617</b>	<b>916.248.260</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU B 01-DN/HN**

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết số minh		30/6/2013	31/12/2012
	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>			
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	310		<b>256.870.969</b>	<b>273.226.576</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	85.997.538	93.180.949
2. Phải trả người bán	312		77.703.086	107.026.814
3. Người mua trả tiền trước	313		935.756	720.536
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	8.070.039	12.635.125
5. Phải trả người lao động	315		6.188.262	5.220.711
6. Chi phí phải trả	316	18	56.037.202	36.914.547
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	10.281.471	7.195.641
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	6.484.014	6.515.081
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.173.601	3.817.172
<b>II. Nợ dài hạn</b>	330		<b>314.121.328</b>	<b>306.112.504</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	93.862.836	55.288.042
2. Vay và nợ dài hạn	334	22	198.343.261	233.719.203
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.186.005	1.208.023
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		83.056	259.420
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	23	20.646.170	15.637.816
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	400		<b>371.446.036</b>	<b>335.708.492</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	410	24	<b>371.446.036</b>	<b>335.708.492</b>
1. Vốn điều lệ	411		117.333.602	117.333.602
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77.037.828	77.037.828
3. Cổ phiếu quỹ	414		(810.486)	(810.486)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(5.625.981)	(5.256.897)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.073.847	28.963.748
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		13.976.544	13.749.931
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		136.460.682	104.690.766
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	500	25	<b>1.324.284</b>	<b>1.200.688</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+500)</b>	600		<b>943.762.617</b>	<b>916.248.260</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại

Đồng Việt Nam ("VND")

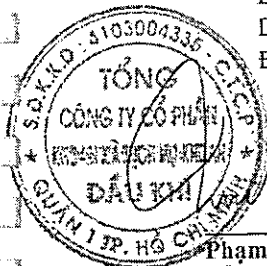
Đồng Euro ("EUR")

Bảng Anh ("GBP")

Dinars Algeria ("DZD")

Đô la Singapore ("SGD")

	30/6/2013	31/12/2012
Đồng Việt Nam ("VND")	1.683.980.546.727	374.432.274.129
Đồng Euro ("EUR")	6.114	6.114
Bảng Anh ("GBP")	-	-
Dinars Algeria ("DZD")	61.407.042	63.593.207
Đô la Singapore ("SGD")	3.921	13.289



Phạm Tiến Dũng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 26 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yên Phương  
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng  
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

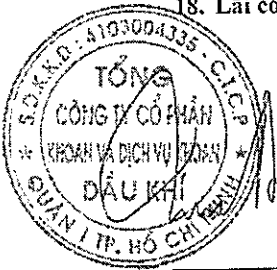
Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU B 02-DN/HN**  
 Đơn vị tính: Đô la Mỹ

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	số	minh	đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
1. Doanh thu gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	313.448.577	239.811.824
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		313.448.577	239.811.824
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	236.397.835	179.048.733
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		77.050.742	60.763.091
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	899.266	1.606.021
6. Chi phí tài chính	22	29	9.162.370	9.785.272
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.855.578	7.641.450
7. Chi phí bán hàng	24		451.061	433.833
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.221.993	16.615.764
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-(21-22)-(24+25))	30		50.114.584	35.534.243
10. Thu nhập khác	31		1.008.480	570.770
11. Chi phí khác	32		307.746	152.697
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		700.734	418.073
13. Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	50	10	885.214	1.363.554
14. Lợi nhuận kế toán trước thuế (60=30+40+50)	60		51.700.532	37.315.870
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	30	6.539.190	5.333.174
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	14	45.476	(61.486)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (70=60-61-62)	70		45.115.866	32.044.182
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số	25		161.327	209.550
- Lợi ích của các bên BCC	11		3.066.192	2.452.388
- Cổ đông của Tổng Công ty			41.888.347	29.382.244
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	31	<u>0.20</u>	<u>0.14</u>



Phạm Tiến Dũng  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 26 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yến Phương  
 Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đức Tùng  
 Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
 Người lập biểu

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: Đô la Mỹ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	51.700.532	37.315.870
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	24.916.582	21.335.670
Các khoản dự phòng	03	(109.656)	(76.741)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.573.105	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.406.195)	(2.070.152)
Chi phí lãi vay	06	5.855.578	7.641.450
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	82.529.946	64.146.097
Biến động các khoản phải thu	09	14.359.867	(28.684.456)
Biến động hàng tồn kho	10	(4.473.317)	4.236.268
Biến động các khoản phải trả	11	(8.194.982)	14.562.005
Biến động chi phí trả trước	12	(1.347.008)	(2.204.562)
Tiền lãi vay đã trả	13	(5.310.821)	(6.429.962)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.473.708)	(5.238.146)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.127.122)	(3.028.335)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	66.962.855	37.358.909
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(5.203.599)	(26.250.915)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	12.433	14.550
3. Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	-	(2.990.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	186.636	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.464.767	1.881.539
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.539.763)	(27.344.826)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	38.693.668	-
2. Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(72.540)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.184.631	55.058.014
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(61.922.433)	(54.341.681)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.044.134)	643.793
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong kỳ	50	59.378.958	10.657.876
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	51.265.059	32.081.462
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	416.260	(88.670)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<u>111.060.277</u>	<u>42.650.668</u>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 40 là một bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 03-DN/HN

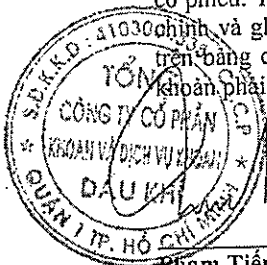
**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

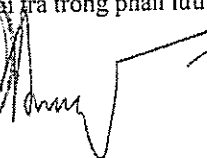
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác không bao gồm 712.117 đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2012: 3.681.095 đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán. Tuy nhiên, tiền mua tài sản cố định trên đã bao gồm 2.869.950 đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2012: 22.078.546 đô la Mỹ) là giá trị tài sản mua trong năm trước được thanh toán trong kỳ này.

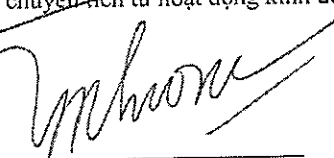
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 964.735 đô la Mỹ là số lãi phát sinh, cổ tức và lợi nhuận được chia còn phải thu tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (kỳ 6 tháng năm 2012: 1.429.355 đô la Mỹ). Tuy nhiên, tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ đã bao gồm 1.022.162 đô la Mỹ (kỳ 6 tháng năm 2012: 3.601.716 đô la Mỹ) là số lãi tiền gửi của năm trước đã thu trong kỳ này.


Ngoài ra, tiền thu lãi cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm số tiền 633.144 đô la Mỹ là số cổ tức và lợi nhuận được chia đã được thanh toán cần trừ công nợ nội bộ.


Như trình bày tại Thuyết minh số 5 và 24, tiền nhận góp vốn của cổ đông trong kỳ với số tiền là 38.693.668 đô la Mỹ tương đương 813.960.000.000 đồng là một phần khoản tiền nhận được từ đợt phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phiếu. Tuy nhiên đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý để điều chỉnh và ghi nhận tăng vốn và khoản tiền này được trình bày như một khoản công nợ phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán. Do đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trong phần biến động các khoản phải trả trong phần lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh.



  
Phạm Tiên Dũng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 8 năm 2013

  
Hồ Ngọc Yên Phương  
Phó Tổng Giám đốc

  
Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

  
Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu

0112  
CHI  
CỠ  
CHH  
DEL  
VIỆ  
7

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty Mẹ, sáu công ty con và bảy công ty liên doanh, cụ thể như sau:

#### Công ty Mẹ

Công ty Mẹ được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004335 ngày 15 tháng 2 năm 2006 và các giấy chứng nhận điều chỉnh lần 6 ngày 12 tháng 8 năm 2010 và Giấy chứng nhận điều chỉnh lần 7 ngày 19 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng công ty được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi là "Petro Việt Nam").

Công ty Mẹ có hai Xí nghiệp trực thuộc và một Chi nhánh hoạt động tại nước ngoài với thông tin chi tiết như sau:

- Xí nghiệp Điều hành Khoan được thành lập theo Nghị quyết ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Hội đồng Quản trị và Quyết định số 1249/QĐ-PVD ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Tổng Giám đốc về việc chuyển đổi Ban điều hành Khoan thành Xí nghiệp Điều hành Khoan và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126-007 ngày 16 tháng 3 năm 2010 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113028028 cùng do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Xí nghiệp Điều hành Khoan đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là "PVD Invest") được thành lập theo quyết định số 06/12/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng Quản trị và theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 0302495126 ngày 18 tháng 01 năm 2010, và theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 19 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của PVD Invest đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Algeria được thành lập theo quyết định số 13/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2006 của Hội đồng Quản trị và giấy chứng nhận thành lập số 04/STM-TT.TNNN ngày 23 tháng 3 năm 2006 do Sở Thương mại thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở đăng ký của Chi nhánh Algeria đặt tại Cité Si El, Houas, No. 02, Villa No. 101, Hassi Messaoud, Ouargla, Algeria. Chi nhánh Algeria thuộc sự quản lý và điều hành trực tiếp của Xí nghiệp điều hành Khoan.

#### Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Biển PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Offshore") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500803145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 9 năm 2009, và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Offshore đặt tại số 43A, đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Giếng khoan Dầu khí PVD (sau đây gọi tắt là "PVD Well") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Well đặt tại phòng 13, lầu 12A, Vincom Center, số 47 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty TNHH Một thành viên Địa Vật lý Giếng khoan Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVD Logging”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104001513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 8 năm 2007 và theo các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Logging đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD (trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí, sau đây gọi tắt là “PVD Tech”) được chuyển đổi hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn sang hình thức công ty cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 12 tháng 7 năm 2012 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035124602 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 7 năm 2012. Trụ sở đăng ký của PVD Tech đặt tại lầu 8, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD (sau đây gọi tắt là “PVD Training”), trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12 tháng 10 năm 2007 và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của PVD Training đặt tại Khu công nghiệp Đông Xuyên, đường 30 tháng 4, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên Khoan dầu khí Nước sâu PVD (sau đây gọi tắt là “PVD DeepWater”), là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310139354 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 7 năm 2010. Trụ sở đăng ký của PVD DeepWater đặt tại lầu 3, tòa nhà Sailing Tower, số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. PVD Deep Water được ủy quyền của Tổng Công ty và các bên đối tác trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) bao gồm Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OCB”) để quản lý và điều hành dự án hợp tác góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trọc nửa chìm (“PV Drilling V”). Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của dự án TAD được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 11.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty con được trình bày cụ thể tại Thuyết minh số 15.

### Công ty liên doanh

Công ty TNHH Liên doanh Dịch vụ BJ - PV Drilling (sau đây gọi tắt là “BJ - PVD”) là một công ty liên doanh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 49202100003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 9 năm 2006, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ của BJ-PVD là 5 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty Mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 49% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của BJ-PVD đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes (sau đây gọi tắt là “PVD - Baker Hughes”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000556 Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26 tháng 01 năm 2011. Tổng vốn điều lệ của PVD-Baker Hughes là 20 triệu đô la Mỹ, trong đó Công ty Mẹ nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này, tương đương 10,2 triệu đô la Mỹ. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, số vốn điều lệ Tổng Công ty còn phải góp vào liên doanh này là 6,2 triệu đô la Mỹ. Trụ sở đăng ký của PVD-Baker Hughes đặt tại lầu 10, tòa nhà Sailing Tower, Số 111A, đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty liên doanh PV Drilling Overseas (sau đây gọi tắt là “PVD Overseas”) được thành lập tại Singapore theo hợp đồng liên doanh với Falcon Energy Group Limited và Giấy đăng ký doanh nghiệp số 201308977C ngày 04 tháng 4 năm 2013. Tổng vốn điều lệ đăng ký tại thời điểm thành lập của PVD Overseas là 1.000 đô la Mỹ và số vốn này sẽ tăng lên tối đa là 70 triệu đô la Mỹ để đầu tư một giàn khoan tự nâng thế hệ mới, trong đó Tổng Công ty hiện đang nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 55% tại

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

công ty này. Tiền độ góp vốn vào liên doanh này sẽ được thực hiện theo tiến độ đầu tư giàn khoan. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm ứng 500.000 đô la Mỹ để PVD Overseas đặt cọc mua giàn khoan và tại ngày lập báo cáo này Tổng Công ty đã thực hiện góp vốn vào liên doanh này với số tiền là 18.982.000 đô la Mỹ (bao gồm 500.000 đô la Mỹ đã tạm ứng trước đây).

Công ty TNHH PV Drilling Production Testers International (sau đây gọi tắt là "PVD - PTI") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 491022000098 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 25 tháng 4 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD-PTI là 4 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Logging nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD-PTI đặt tại số 65A, đường 30 tháng 4, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Cần ống Khoan Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "PVD Tubulars") là một công ty liên doanh được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000134 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 07 tháng 10 năm 2008. Tổng vốn điều lệ của PVD Tubulars là 3,5 triệu đô la Mỹ, trong đó PVD Tech nắm giữ tỷ lệ sở hữu là 51% tại công ty này. Trụ sở đăng ký của PVD Tubulars đặt tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Công ty TNHH Vietubes ("Vietubes"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000111 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 15 tháng 02 năm 1995 và sửa đổi ngày 28 tháng 5 năm 2012 với vốn điều lệ là 77.297.205.000 đồng (tương đương 3.707.300 đô la Mỹ), PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của Vietubes. Hoạt động kinh doanh chính của Vietubes là gia công kim loại, bao gồm cắt, định dạng và ổn định cấu trúc kim loại, sản xuất các loại phụ kiện cơ khí phục vụ cho ngành khoan thăm dò, khai thác dầu khí và cơ khí hàng hải, ren, gia công, sửa chữa, phục hồi các loại ống chống, cần khoan, ống khai thác, ống dẫn và các phụ kiện ngành công nghiệp Dầu khí.

Công ty TNHH Liên doanh PVD Tech - Oil States Industries (sau đây gọi tắt là "PVD - OSI"), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492022000217 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 24 tháng 11 năm 2011 với vốn điều lệ là 105 tỷ đồng (tương đương 5 triệu đô la Mỹ). PVD Tech hiện đang nắm giữ 51% vốn điều lệ của PVD - OSI. Hoạt động kinh doanh chính của PVD - OSI là sản xuất, chế tạo, ren, tiện các loại đầu nối ống và cấu kiện phụ tùng thay thế và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng các đầu nối ống trong khoan thăm dò và khai thác dầu khí.

Quyền sở hữu của Tổng Công ty và vốn điều lệ cùng tình hình góp vốn của Tổng Công ty vào các công ty liên doanh được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 10.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm cung cấp các loại hình dịch vụ khoan, dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng giàn khoan, vật tư, thiết bị khoan, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đô la Mỹ ("USD"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận tại công văn số 8036/BTC-CKKT ngày 21 tháng 6 năm 2010 và thay đổi đơn vị tiền tệ từ đồng Việt Nam sang đô la Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tổng Công ty bằng đô la Mỹ là cần thiết để phản ánh đúng bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

### 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Lợi ích của cổ

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

đồng thiểu số trong tài sản thuần của công ty con được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ các cổ đông thiểu số phải gánh chịu vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được ghi giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi các cổ đông này có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia liên doanh đều có lợi ích được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các thỏa thuận liên doanh liên quan đến việc đồng kiểm soát và đồng sở hữu đối với tài sản được mua bởi các bên góp vốn liên doanh và được sử dụng cho mục đích liên doanh được gọi là tài sản được đồng kiểm soát. Tổng Công ty hạch toán phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát và các phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác theo tỷ lệ cam kết của thỏa thuận liên doanh. Phần nợ phải trả phát sinh riêng được hạch toán toàn bộ vào báo cáo của Tổng Công ty.

#### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty liên doanh được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên doanh. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư khác và các khoản ký quỹ, ký cược.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	7
Tài sản khác	3 - 7

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

*Tổng Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh.

*Tổng Công ty là bên đi thuê*

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, và tài sản vô hình khác là giá trị lợi thế thương mại khi cổ phần hóa Doanh nghiệp nhà nước được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao. Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của quyền sử dụng đất. Phần mềm máy tính và tài sản vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng lần lượt trong 5 năm và 10 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và chi phí duy tu bảo dưỡng giàn khoan, phát sinh trong kỳ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 1 đến 5 năm.

Ngoài ra, bao gồm trong khoản trả trước dài hạn là lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản của các giàn khoan, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được kết chuyển và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm kể từ ngày đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành.

**Đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo phương pháp giá gốc bao gồm giá trị vốn và các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ, doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ.
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành dịch vụ cung cấp.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi ngoại tệ của các tài khoản số dư bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ, bao gồm chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại trong quá trình xây dựng các giàn khoan được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được bắt đầu phân bổ vào kết quả kinh doanh trong 5 năm từ ngày đưa các giàn khoan này vào hoạt động.

Để hợp nhất báo cáo tài chính, tài sản và công nợ của các công ty con và chi nhánh ở nước ngoài được chuyển đổi sang đơn vị tiền tệ hạch toán theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản thu nhập và chi phí được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân của kỳ và chỉ áp dụng tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ khi tỷ giá này có biến động lớn trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái, nếu có, được ghi nhận vào khoản chênh lệch tỷ giá trong phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Chênh lệch tỷ giá này được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi cơ sở kinh doanh tại nước ngoài chấm dứt hoạt động hoặc được thanh lý.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

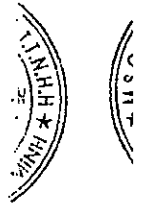
Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp băng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền mặt	167.969	126.800
Tiền gửi ngân hàng	66.688.793	34.611.749
Các khoản tương đương tiền	44.203.515	16.526.510
	<u><u>111.060.277</u></u>	<u><u>51.265.059</u></u>

Bao gồm trong số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 813.960.000.000 đồng tương đương 38.693.668 đô la Mỹ, là khoản tiền nhận về từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông chiến lược theo phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 như trình bày tại Thuyết minh số 24. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty chưa hoàn tất các thủ tục để điều chỉnh tăng vốn điều lệ theo qui định, do đó khoản tiền nhận góp vốn này được theo dõi riêng biệt như một khoản phải trả dài hạn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá ba tháng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***6. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Hàng mua đang đi đường	7.479.066	287.630
Nguyên liệu, vật liệu	17.782.425	23.890.947
Công cụ, dụng cụ	40.012	30.779
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	938.366	648.469
Hàng hoá	13.123.325	10.820.746
Hàng gửi đi bán	2.986.452	2.197.758
	<u>42.349.646</u>	<u>37.876.329</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(50.182)	(50.683)
	<u>42.299.464</u>	<u>37.825.646</u>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc <u>USD</u>	Máy móc và thiết bị <u>USD</u>	Thiết bị văn phòng <u>USD</u>	Phương tiện vận tải <u>USD</u>	Tài sản khác <u>USD</u>	Tổng <u>USD</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	15.149.231	753.212.594	3.189.590	3.409.763	58.151	775.019.329
Tăng trong kỳ	107.502	2.044.521	169.085	5.957	-	2.327.065
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	25.259	5.040.562	18.454	-	-	5.084.275
Phân loại lại	(16.062)	(306.780)	(1.064.217)	(4.126)	(3.787)	(1.394.972)
Thanh lý	(1.776)	(34.631)	(87.281)	(20.456)	-	(144.144)
Chênh lệch tỷ giá	(39.870)	(2.329.585)	(7.004)	(9.612)	-	(2.386.071)
Tại ngày 30/6/2013	<u>15.224.284</u>	<u>757.626.681</u>	<u>2.218.627</u>	<u>3.381.526</u>	<u>54.364</u>	<u>778.505.482</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	3.436.840	140.552.351	2.002.932	2.207.295	20.214	148.219.632
Khấu hao trong kỳ	383.598	23.597.492	427.745	172.997	6.207	24.588.039
Phân loại lại	(9.371)	(181.209)	(817.832)	(4.126)	(3.454)	(1.015.992)
Thanh lý	(1.776)	(34.631)	(85.986)	(20.456)	-	(142.849)
Chênh lệch tỷ giá	(18.899)	(365.792)	(4.291)	(5.941)	-	(394.923)
Tại ngày 30/6/2013	<u>3.790.392</u>	<u>163.568.211</u>	<u>1.522.568</u>	<u>2.349.769</u>	<u>22.967</u>	<u>171.253.907</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2013	<u>11.433.892</u>	<u>594.058.470</u>	<u>696.059</u>	<u>1.031.757</u>	<u>31.397</u>	<u>607.251.575</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>11.712.391</u>	<u>612.660.243</u>	<u>1.186.658</u>	<u>1.202.468</u>	<u>37.937</u>	<u>626.799.697</u>

Chênh lệch tỷ giá thể hiện khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình hợp nhất báo cáo các công ty con và chi nhánh ở Algeria từ giá gốc tài sản thể hiện trong ứng bằng đồng Việt Nam và dinar Algeria sang đô la Mỹ.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Tổng Công ty đã thế chấp một số tài sản với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 507.416.591 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 344.679.568 đô la Mỹ) làm đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với giá trị là 7.579.916 đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 6.398.517 đô la Mỹ).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm máy tính USD	Khác USD	Tổng USD
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	6.121.918	1.495.022	1.602.776	9.219.716
Tăng trong kỳ	-	10.000	-	10.000
Chênh lệch tỷ giá	-	(484)	-	(484)
Tại ngày 30/6/2013	<u>6.121.918</u>	<u>1.504.538</u>	<u>1.602.776</u>	<u>9.229.232</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	490.470	1.068.349	750.264	2.309.083
Khấu hao trong kỳ	53.506	135.156	139.881	328.543
Chênh lệch tỷ giá	-	(175)	-	(175)
Tại ngày 30/6/2013	<u>543.976</u>	<u>1.203.330</u>	<u>890.145</u>	<u>2.637.451</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2013	<u>5.577.942</u>	<u>301.208</u>	<u>712.631</u>	<u>6.591.781</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>5.631.448</u>	<u>426.673</u>	<u>852.512</u>	<u>6.910.633</u>

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang theo hạng mục:

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
Chi phí triển khai ERP giai đoạn 2	553.953	458.176
Phí bản quyền phần mềm quản lý nhân sự	265.517	265.517
Mua thiết bị khoan	-	4.542.297
Các công trình xây dựng cơ bản khác	522.060	434.298
	<u>1.341.530</u>	<u>5.700.288</u>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Tóm tắt các thông tin tài chính liên quan đến các công ty liên doanh của Tổng Công ty:

Tên công ty liên doanh	Vốn điều lệ đăng ký USD	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn đã góp	
			30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
BJ - PVD	5.000.000	49	2.399.255	2.399.255
PVD - PTI	4.000.000	51	2.040.000	2.040.000
PVD Tubulars	3.500.000	51	1.785.000	1.785.000
PVD - Baker Hughes	20.000.000	51	4.000.000	4.000.000
Vietubes	3.707.300	51	4.159.922	4.346.558
PVD - OSI	<u>5.000.000</u>	51	<u>2.550.000</u>	<u>2.550.000</u>

30-  
HÁI  
G T  
ỀNH  
ĐỊT  
f N.  
P.H

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
BJ - PVD	4.755.654	4.455.012
PVD - PTI	2.067.073	2.391.766
PVD Tubular	2.789.764	2.450.939
PVD - Baker Hughes	4.000.000	4.000.000
Vietubes	4.337.633	4.788.688
PVD - OSI	2.459.756	2.322.295
	<u>20.409.880</u>	<u>20.408.700</u>

Phần sở hữu của Tổng Công ty đối với lợi nhuận và giá trị khoản đầu tư tại các công ty liên doanh trong kỳ như sau:

	Lợi nhuận trước		Lợi nhuận được chia	Lợi nhuận đã công bố	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	Tại ngày 30/6/2013
	Tại ngày 31/12/2012	giai đoạn đầu tư				
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
BJ - PVD	4.455.012	-	300.642	-	-	4.755.654
PVD - PTI	2.391.766	-	39.106	(363.480)	(319)	2.067.073
PVD Tubulars	2.450.939	-	348.807	-	(9.982)	2.789.764
PVD - Baker Hughes	4.000.000	-	-	-	-	4.000.000
Vietubes	4.788.688	(186.636)	60.119	(323.364)	(1.174)	4.337.633
PVD - OSI	2.322.295	-	136.540	-	921	2.459.756
	<u>20.408.700</u>	<u>(186.636)</u>	<u>885.214</u>	<u>(686.844)</u>	<u>-10.554</u>	<u>20.409.880</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa góp đủ vốn vào PVD - Baker Hughes và báo cáo tài chính của PVD - Baker Hughes vẫn chưa chính thức phê duyệt bởi Hội đồng thành viên của liên doanh, do đó Tổng Công ty vẫn hạch toán khoản đầu tư vào liên doanh này theo phương pháp giá gốc.

Chi tiết khoản đầu tư vào Vietubes như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Khoản vốn góp vào liên doanh	5.346.158	5.346.158
Lợi nhuận được chia của giai đoạn trước đầu tư	(1.186.236)	(999.600)
Giá trị thuần của khoản đầu tư	<u>4.159.922</u>	<u>4.346.558</u>
Trong đó: Phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận tại liên doanh	2.927.481	3.114.117
<i>Lợi thế thương mại</i>	1.232.441	1.232.441
Lợi nhuận được chia	177.711	442.130
Trong đó: <i>Lợi nhuận được chia đầu kỳ</i>	442.130	-
<i>Lợi nhuận được chia trong kỳ</i>	121.741	534.563
<i>Lợi nhuận đã nhận trong kỳ</i>	(323.364)	-
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	(1.174)	-
<i>Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ</i>	(61.622)	(92.433)
Giá trị khoản đầu tư cuối kỳ	<u>4.337.633</u>	<u>4.788.688</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***11. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH - BCC**

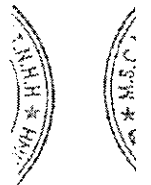
Tổng Công ty cùng với Petro Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội (“MB”) và Ngân hàng TMCP Đại Dương (“OCB”) hợp tác cùng tham gia dự án góp vốn đầu tư đóng mới và kinh doanh giàn khoan tiếp trợ nửa nổi nửa chìm (giàn khoan “TAD” hay giàn khoan “PV Drilling V”) với thời hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh là 17 năm tính từ ngày 10 tháng 9 năm 2009. Theo thỏa thuận giữa các bên, Tổng Công ty được ủy quyền quản lý và điều hành dự án cũng như thực hiện hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh của hợp đồng hợp tác kinh doanh và phân chia lợi nhuận cho các bên theo tỷ lệ vốn góp.

Tỷ lệ vốn góp của các bên theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Tỷ lệ (%)
Phần vốn góp của Petro Việt Nam:	23,00
Phần vốn góp của Tổng Công ty:	62,43
Phần vốn góp của MB:	9,71
Phần vốn góp của OCB:	4,86

Tình hình tài chính của hợp tác kinh doanh này được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
Tổng tài sản	223.033.818	226.922.051
Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định – giàn khoan PV Drilling V	<u>195.941.403</u>	<u>197.898.183</u>
Số vốn thực góp của các đối tác trong BCC ghi nhận Phải trả dài hạn khác:	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
- PVN	45.471.865	45.471.865
- MB	6.396.641	6.396.641
- OCB	3.301.170	3.301.170
- Khác	118.366	118.366
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	(118.874)	-
	<u>55.169.168</u>	<u>55.288.042</u>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Doanh thu	37.627.678	28.648.137
Giá vốn	20.724.564	15.103.296
Chi phí quản lý	4.759.574	4.286.627
Chi phí tài chính	4.541.529	3.111.545
Doanh thu tài chính	95.449	48.154
Lợi nhuận khác	39.206	258.828
Lợi nhuận thuần	7.736.666	6.453.651
Điều chỉnh cho các khoản chi phí không thuộc BCC	424.612	-
Lợi nhuận phân phối cho liên doanh	8.161.278	6.453.651
<i>Phân chia theo tỷ lệ vốn góp</i>		
Tổng Công ty	4.670.474	4.001.263
Các bên BCC:	3.066.192	2.452.388
<i>Petro Việt Nam</i>	1.877.094	1.484.340
<i>MB</i>	792.460	645.365
<i>OCB</i>	396.638	322.683

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2012 và kỳ 6 tháng năm 2013 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC. Do đó, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận cho các bên trong BCC theo tỷ lệ góp vốn.

**12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	1.114.765	1.114.765
Chứng chỉ quỹ, tiền gửi	473.261	480.423
	<u>1.588.026</u>	<u>1.595.188</u>

Chứng chỉ quỹ, tiền gửi tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 5 năm kể từ ngày 16 tháng 3 năm 2010 với lãi suất thay đổi hàng năm tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank") nhằm đảm bảo cho khoản vay dài hạn có hạn mức 10 tỷ đồng của PVD Tech.

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá giai đoạn xây dựng cơ bản	2.063.567	2.791.885
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling II và III	366.937	595.718
Chi phí sửa chữa cho giàn PV Drilling I	1.923.127	180.911
Chi phí duy tu, bảo dưỡng giàn	2.789.893	4.475.044
Chi phí trả trước dài hạn cho giàn PV Drilling V	1.083.056	1.320.688
Chi phí trả trước dài hạn khác	655.714	404.827
	<u>8.882.294</u>	<u>9.769.073</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước:

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2012	226.208	(48.189)	178.019
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	5.722	128.755	134.477
Tại ngày 31/12/2012	231.930	80.566	312.496
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(7.483)	(37.993)	(45.476)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(1.517)	173	(1.344)
Tại ngày 30/6/2013	<u>222.930</u>	<u>42.746</u>	<u>265.676</u>

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn và giá trị khoản đầu tư vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	30/6/2013				31/12/2012			
	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ đã góp	Giá trị khoản đầu tư	Tỷ lệ sở hữu	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ đã góp	Giá trị khoản đầu tư
	%	VND	USD	USD	%	VND	USD	USD
PVD Offshore	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822	100	80.000.000.000	4.393.822	4.393.822
PVD Well	100	80.000.000.000	4.081.469	4.081.469	100	50.000.000.000	2.643.378	2.643.378
PVD Logging	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959	100	80.000.000.000	4.236.959	4.236.959
PVD Tech	100	200.000.000.000	10.324.805	10.324.805	100	200.000.000.000	10.324.805	10.324.805
PVD Training	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066	52	28.958.670.000	831.970	1.096.066
PVD DeepWater	100	100.000.000.000	4.799.846	4.799.846	100	100.000.000.000	4.799.846	4.799.846
				<u>28.932.967</u>				<u>27.494.876</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 035123077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2012 vốn điều lệ đăng ký của PVD Well là 80.000.000.000 đồng. Trong kỳ, Công ty Mẹ đã thực hiện góp thêm vốn vào PVD Well với tổng vốn điều lệ đã góp thêm là 1.438.091 đô la Mỹ tương đương với 30.000.000.000 đồng.

Vào ngày 12 tháng 8 năm 2007, Tổng Công ty đã mua 51% quyền sở hữu PVD Training, trước đây là Công ty TNHH Cửu Long, với giá mua là 6.790.091.000 đồng (tương đương 388.501 đô la Mỹ). Nghiệp vụ mua này tạo ra một khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 238.874 đô la Mỹ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong kỳ như sau:

Lợi thế thương mại  
USD

Giá trị lợi thế thương mại tại ngày 01/01/2013 và 30/6/2013

238.874**GIÁ TRỊ PHÂN BỐ LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2013

143.324

Phân bổ trong kỳ

11.944

Tại ngày 30/6/2013

155.268**GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI CÒN LẠI**

Tại ngày 30/6/2013

83.606

Tại ngày 31/12/2012

95.550**16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**30/6/2013  
USD31/12/2012  
USD

Vay ngắn hạn

13.000.000

19.347.025

Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)

72.997.53873.833.92485.997.53893.180.949

Chi tiết về các khoản vay ngắn hạn như sau:

30/6/2013  
USD31/12/2012  
USD

Ngân hàng HSBC Việt Nam

-

8.264.088

Ngân hàng Vietcombank

-

11.082.937

Ngân hàng DBS - Chi nhánh Việt Nam

2.000.000

-

Ngân hàng ANZ

2.000.000

-

Ngân hàng Mizuho

2.000.000

-

Ngân hàng Standard Chartered ("SCB")

7.000.000

-

13.000.00019.347.025

Các khoản vay ngắn hạn là các khoản vay tín chấp với thời hạn vay tối đa là 6 tháng và dùng để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động của Tổng Công ty. Hạn mức tín dụng của các khoản vay này như sau:

Hạn mức tín dụng  
USD

DBS Bank - Vietnam Branch

2.000.000

ANZ Bank

17.000.000

Mizuho Bank

10.000.000

Standard Chartered Bank ("SCB")

25.000.000

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
Thuế giá trị gia tăng	1.406.997	5.518.882
Thuế nhập khẩu	832	177.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.538.525	3.489.249
Thuế thu nhập cá nhân	2.082.097	1.197.898
Các loại thuế khác	1.041.588	2.252.066
	<u>8.070.039</u>	<u>12.635.125</u>

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước trong kỳ của Tổng Công ty như sau:

	01/01/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính	30/6/2013
	USD	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	5.518.882	16.906.817	21.013.220	(5.482)	1.406.997
Thuế xuất nhập khẩu	177.030	1.058.618	1.234.784	(32)	832
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.489.249	6.539.190	6.473.708	(16.206)	3.538.525
Thuế thu nhập cá nhân	1.197.898	13.218.003	12.331.534	(2.270)	2.082.097
Thuế môn bài	-	1.103	1.103	-	-
Các loại thuế khác	2.252.066	13.193.884	14.402.129	(2.233)	1.041.588
	<u>12.635.125</u>	<u>50.917.615</u>	<u>55.456.478</u>	<u>(26.223)</u>	<u>8.070.039</u>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
Chi phí trích trước liên quan đến hoạt động các giàn khoan	30.523.977	21.281.883
Trích trước chi phí lãi vay	5.177.965	4.633.207
Phí quản lý Petro Việt Nam	557.906	694.658
Các khoản khác	19.777.354	10.304.799
	<u>56.037.202</u>	<u>36.914.547</u>

**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
Cổ tức phải trả	244.359	253.857
Phải trả các bên BCC	9.285.125	6.311.217
Các khoản phải trả khác	751.987	630.567
	<u>10.281.471</u>	<u>7.195.641</u>

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện quỹ lương dự phòng đã trích với tỷ lệ 17% quỹ lương được duyệt theo quyết định của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

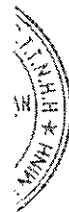
	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Vốn thực góp của các đối tác trong BCC (Thuyết minh số 11)	55.169.168	55.288.042
Tiền nhận từ phát hành cổ phiếu riêng lẻ (Thuyết minh số 24)	38.693.668	-
	<u>93.862.836</u>	<u>55.288.042</u>

**22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Các khoản vay dài hạn	271.340.799	307.553.127
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 16)	<u>(72.997.538)</u>	<u>(73.833.924)</u>
	<u>198.343.261</u>	<u>233.719.203</u>

Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Ngân hàng Vietcombank	33.130.073	38.424.742
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC")	-	1.394.925
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	116.888.277	128.388.277
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) ("HSBC")	40.250.000	51.750.000
MB và Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("Vietinbank")	50.393.891	53.993.454
MB và OCB	17.921.614	19.201.729
Ngân hàng Standard Charter ("SCB")	12.600.000	14.400.000
Chênh lệch tỷ giá do quy đổi báo cáo	156.944	-
	<u>271.340.799</u>	<u>307.553.127</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

**Chi tiết hợp đồng vay theo nguyên tệ**

Ngân hàng	Mục đích tái trợ xây dựng	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo	Dư nợ 30/6/2013	Đơn vị tiền tệ
Vietcombank	Giàn PVDrilling I	SIBOR 6 tháng + biên	PVN bảo lãnh	15.372.153	USD
BIDV - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling II	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giàn PV Drilling II	102.188.277	USD
BIDV	Giàn PVDrilling III	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Không có	14.700.000	USD
HSBC - đồng tài trợ	Giàn PVDrilling III	LIBOR 3 tháng + biên	PVN bảo lãnh và giàn PV Drilling III	40.250.000	USD
MB và Vietinbank	Giàn PVDrilling V	SIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	50.393.891	USD
SCB	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	12.600.000	USD
MB và OCB	Giàn PVDrilling V	LIBOR 6 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	17.921.614	USD
Vietcombank	Giàn PVDrilling V	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Giá trị giàn PV Drilling V và doanh thu hình thành từ vốn góp theo tỷ lệ góp vốn vào BCC	14.625.904	USD
Vietcombank	Dự án nhà xưởng mở rộng giai đoạn II tại khu công nghiệp Đông Xuyên	Tiết kiệm 5 năm + 2%	Đảm bảo bằng khoản tiền gửi dài hạn 5 năm.	3.587.350.298	VND
Vietcombank	Mua sắm máy móc thiết bị	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tái sản hình thành từ dự án	8.142.329.511	VND
Vietcombank	Đầu tư mua mới thiết bị kéo thả ống chống	Tiết kiệm 12 tháng + biên	Tái sản hình thành từ dự án	2.574.416	USD

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
Trong vòng một năm	72.997.538	73.833.924
Trong năm thứ hai	62.096.105	72.650.120
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	98.068.739	108.225.935
Sau năm năm	38.178.417	52.843.148
	<u>271.340.799</u>	<u>307.553.127</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(72.997.538)</u>	<u>(73.833.924)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>198.343.261</u>	<u>233.719.203</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***23. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Theo Điều lệ của Tổng Công ty, Tổng Công ty được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với tỷ lệ tối đa 10% lợi nhuận tính thuế. Tình hình trích lập và sử dụng quỹ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong năm như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012
	USD	USD
Số dư đầu kỳ	15.637.816	6.980.541
Số quỹ được trích lập	5.086.530	8.676.976
Số quỹ đã sử dụng	(2.052)	(19.701)
Chênh lệch tỷ giá	(76.124)	-
Số dư cuối kỳ	<u>20.646.170</u>	<u>15.637.816</u>

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 6, vốn điều lệ của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 2.105.082.150.000 đồng.

Cổ phần	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	210.508.215	210.508.215
Số lượng cổ phiếu quỹ	348.480	348.480
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	210.159.735	210.159.735
Mệnh giá của cổ phần (đồng/cổ phần)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

Tổng Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Cổ đông sáng lập đồng thời là cổ đông chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là Petro Việt Nam hiện sở hữu 106.055.468 cổ phần tương ứng 50,46% tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty. Ngoài ra, Deutsche Bank AG London là cổ đông lớn của Tổng Công ty với số lượng cổ phần đang nắm giữ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 12.445.892 cổ phần tương ứng 5,92% (tại 31 tháng 12 năm 2012 là 12.788.832 cổ phần tương ứng 6,09%).

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 01/2013/ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, trong kỳ Tổng Công ty đã thực hiện việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần cho các cổ đông chiến lược. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã thu được một phần vốn với số tiền là 813.960.000.000 đồng tương đương 38.693.668 đô la Mỹ từ đợt phát hành riêng lẻ này như trình bày tại Thuyết minh số 5. Và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đã hoàn tất việc thu tiền từ việc phát hành riêng lẻ 38 triệu cổ phần này với tổng số tiền thu được là 1.453.947.216.000 đồng tương đương 68.824.892,86 đô la Mỹ, nâng tổng số lượng cổ phần của Tổng Công ty lên thành 248.508.215 cổ phần. Tại ngày 19 tháng 8 năm 2013, Tổng Công ty đã nhận Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 7 với số vốn điều lệ là 2.485.082.150.000 đồng và tại ngày 23 tháng 8 năm 2013, Tổng Công ty đã được Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết bổ sung đối với số lượng số phiếu phát hành thêm này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau:

	Vốn điều lệ USD	Tổng dự vốn cổ phiếu USD	Cổ phiếu quỹ USD	Chênh lệch tỷ giá hối đoái USD	Quỹ đầu tư phát triển USD	Quỹ dự phòng tài chính USD	Lợi nhuận chưa phân phối USD	Tổng USD
Tại ngày 01/01/2012	117.333.602	77.037.828	(2.342.963)	(1.746.136)	22.729.918	11.230.241	73.537.290	297.779.780
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(15.095.533)	(15.095.533)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(72.540)	-	-	-	-	(72.540)
Thưởng cổ phiếu quỹ	-	-	1.605.017	-	-	-	-	1.605.017
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(3.510.761)	-	-	-	(3.510.761)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	69.498.886	69.498.886
Phân phối quỹ	-	-	-	-	6.233.830	2.519.690	(17.461.802)	(8.708.282)
Phân phối cho Lợi ích cổ đồng thiểu số	-	-	-	-	-	-	(398.934)	(398.934)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(5.389.141)	(5.389.141)
Tại ngày 31/12/2012	117.333.602	77.037.828	(810.486)	(5.256.897)	28.963.748	13.749.931	104.690.766	335.708.492
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(369.084)	-	-	-	(369.084)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	45.115.866	45.115.866
Phân phối quỹ	-	-	-	-	4.110.099	226.613	(10.118.431)	(5.781.719)
Phân phối cho Lợi ích cổ đồng thiểu số	-	-	-	-	-	-	(161.327)	(161.327)
Phân phối cho các bên BCC	-	-	-	-	-	-	(3.066.192)	(3.066.192)
Tại ngày 30/6/2013	117.333.602	77.037.828	(810.486)	(5.625.981)	33.073.847	13.976.544	136.460.682	371.446.036

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã tạm trích quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành với tỷ lệ lần lượt là 5%, 10%, 12,5% và 1,5% từ lợi nhuận sau thuế trong kỳ theo Điều lệ của Tổng Công ty. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Theo nghị quyết số 01/2013/NQ-DHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty quyết định phương án chia cổ tức năm 2012 là 20% vốn điều lệ với 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa công bố việc chia cổ tức cho cổ đông.

Chi tiết chênh lệch tỷ giá hối đoái ("CLTG") như sau:

	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động nước ngoài (Chi nhánh Algeria) USD	CLTG từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty con USD	CLTG phát sinh từ đánh giá lại các tài khoản ngắn hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ USD	Tổng số USD
Tại 01/01/2012	985.500	(2.765.101)	33.465	(1.746.136)
Phát sinh trong năm	(941.424)	(2.535.872)	(33.465)	(3.510.761)
Tại 31/12/2012	44.076	(5.300.973)	-	(5.256.897)
Phát sinh trong kỳ	(83.062)	(286.022)	-	(369.084)
Tại 30/6/2013	(38.986)	(5.586.995)	-	(5.625.981)

**25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của PVD Training.

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại PVD Training được xác định như sau:



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bảo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN/HN

	VND	Tương đương USD
Vốn điều lệ của công ty con (PVD Training)	28.958.670.000	1.606.508
Trong đó:		
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	14.996.960.000	831.970
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	13.961.710.000	774.538
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	48,21%	48,21%

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
Tổng tài sản	4.044.879	4.212.630
Tổng nợ phải trả	(1.298.116)	(1.720.753)
Tài sản thuần	2.746.763	2.491.877

*Chi tiết như sau:*

Vốn điều lệ	1.606.508	1.606.508
Thặng dư vốn cổ phần	16.506	16.506
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(289.597)	(262.206)
Các quỹ khác	320.066	267.727
Lợi nhuận chưa phân phối	1.093.280	863.342

Lợi ích của cổ đông thiểu số

1.324.284 1.200.688

*Chi tiết như sau:*

Vốn điều lệ	775.144	775.144
Thặng dư vốn cổ phần	6.643	6.643
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo	(139.453)	(126.956)
Các quỹ khác	154.312	129.078
Lợi nhuận chưa phân phối	527.638	416.779

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh:

Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 USD
---------------------------------------	---------------------------------------

Lợi nhuận trong kỳ	334.616	434.638
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	161.327	209.550

**26. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động bao gồm bộ phận cung cấp dịch vụ khoan, bộ phận thương mại và bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

- Bộ phận cung cấp dịch vụ khoan ("DV khoan"): cung ứng giàn khoan và dịch vụ khoan.
- Bộ phận thương mại ("Thương mại"): cung ứng vật tư, thiết bị khoan.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác ("Dịch vụ khác"): cung cấp dịch vụ giếng khoan, dịch vụ đo địa vật lý giếng khoan, dịch vụ ứng cứu sự cố dầu tràn, cung ứng lao động cho các giàn khoan, tư vấn đầu tư - quản lý dự án, hoạt động tư vấn quản lý, và cung cấp các dịch vụ khác liên quan đến ngành công nghiệp dầu khí.

Thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013**

	DV khoan <u>USD</u>	Thương mại	Dịch vụ khác <u>USD</u>	Loại trừ <u>USD</u>	Tổng cộng <u>USD</u>
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	727.363.613	54.831.176	769.970.972	(608.403.145)	943.762.616
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<u><u>943.762.616</u></u>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	711.877.987	42.181.364	394.719.815	(577.786.869)	570.992.297
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<u><u>570.992.297</u></u>

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

	DV khoan <u>USD</u>	Thương mại <u>USD</u>	Dịch vụ khác <u>USD</u>	Loại trừ <u>USD</u>	Tổng cộng <u>USD</u>
Doanh thu gộp	220.977.365	20.083.776	100.015.344	(27.627.908)	313.448.577
Doanh thu thuần	220.977.365	20.083.776	100.015.344	(27.627.908)	313.448.577
Giá vốn hàng bán	163.016.162	19.013.007	75.680.688	(21.312.022)	236.397.835
Lợi nhuận gộp	57.961.203	1.070.769	24.334.656	(6.315.886)	77.050.742
Doanh thu hoạt động tài chính	400.061	440.357	7.911.462	(7.852.614)	899.266
Chi phí tài chính	7.718.943	314.685	1.617.546	(488.804)	9.162.370
Chi phí bán hàng	221.192	2.583	227.286	-	451.061
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.820.319	707.837	13.997.779	(6.303.942)	18.221.993
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.600.810	486.021	16.403.507	(7.375.754)	50.114.584
Thu nhập khác	265.599	41.352	701.529	-	1.008.480
Chi phí khác	7.265	45.278	255.203	-	307.746
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	258.334	(3.926)	446.326	-	700.734
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	885.214
Lợi nhuận kế toán trước thuế	40.859.144	482.095	16.849.833	(7.375.754)	51.700.532
Chi phí thuế TNDN hiện hành					6.539.190
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					45.476
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<u><u>45.115.866</u></u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Bảng cân đối kế toán**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	DV khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	760.225.455	68.490.612	738.285.586	(650.753.393)	916.248.260
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>					<b>916.248.260</b>
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	748.571.714	56.679.069	395.099.840	(621.011.543)	579.339.080
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>					<b>579.339.080</b>

**Kết quả hoạt động kinh doanh**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

	DV khoan USD	Thương mại USD	Dịch vụ khác USD	Loại trừ USD	Tổng cộng USD
Doanh thu gộp	124.446.370	45.571.852	94.190.388	(24.396.786)	239.811.824
Doanh thu thuần	124.446.370	45.571.852	94.190.388	(24.396.786)	239.811.824
Giá vốn hàng bán	86.488.342	43.174.911	68.115.437	(18.729.957)	179.048.733
Lợi nhuận gộp	37.958.028	2.396.941	26.074.951	(5.666.829)	60.763.091
Doanh thu hoạt động tài chính	402.847	422.457	10.364.597	(9.583.880)	1.606.021
Chi phí tài chính	7.682.186	202.802	1.900.284	-	9.785.272
Chi phí bán hàng	124.000	26.585	283.248	-	433.833
Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.573.006	1.178.223	11.519.421	(5.654.886)	16.615.764
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	20.981.683	1.411.788	22.736.595	(9.595.823)	35.534.243
Thu nhập khác	469.915	4.142	96.713	-	570.770
Chi phí khác	142.240	7.702	2.755	-	152.697
(Lỗ)/Lợi nhuận khác	327.675	(3.560)	93.958	-	418.073
Thu nhập từ đầu tư vào liên doanh	-	-	-	-	1.363.554
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.309.358	1.408.228	22.830.553	(9.595.823)	37.315.870
Chi phí thuế TNDN hiện hành					5.333.174
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại					(61.486)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>					<b>32.044.182</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hiện nay chủ yếu hoạt động tại Việt Nam, đơn vị kinh doanh ngoài Việt Nam (Chi nhánh Algeria) có tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh chiếm không trọng yếu (dưới 10%) trong tổng tài sản, doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 USD
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.044.117	43.240.044
Chi phí nhân công	65.355.848	60.737.787
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.102.790	21.335.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.566.848	51.543.116
Chi phí khác	25.001.286	19.241.713
	<u>255.070.889</u>	<u>196.098.330</u>

**28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	521.787	747.712
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	377.479	858.309
	<u>899.266</u>	<u>1.606.021</u>

**29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 USD
Chi phí lãi vay	5.855.578	7.641.450
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.573.105	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.329.573	1.440.895
Chi phí tài chính khác	404.114	702.927
	<u>9.162.370</u>	<u>9.785.272</u>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 USD
Lợi nhuận trước thuế	51.700.532	37.315.870
Điều chỉnh cho các khoản:	-	-
Thu nhập không chịu thuế	(7.116.517)	(9.464.439)
Chi phí thực hiện từ nguồn trích của năm trước	(42.255)	291.577
Chênh lệch đánh giá lại khoản phải trả ngắn hạn	-	(157.773)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	76.822	489.262
Thu nhập chịu thuế	<u>44.618.582</u>	<u>28.474.497</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.867.854	5.334.496
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung của năm trước	(328.664)	(1.322)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>6.539.190</u>	<u>5.333.174</u>

Tổng Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất hiện hành (25%), ngoại trừ các ưu đãi thuế như sau:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

- Công ty Mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% cho năm tiếp theo (từ năm 2009 đến 2013) đối với thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chính. Riêng thu nhập từ hoạt động kinh doanh của giàn khoan PV Drilling II và PV Drilling III, tài sản nhận về do sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư khoan Dầu khí Việt Nam trước đây, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (năm 2010 và 2011) và giảm 50% cho hai năm tiếp theo (năm 2012 và 2013).
- PVD Training có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động đào tạo trong suốt quá trình kinh doanh, và thuế suất 25% cho các hoạt động khác. PVD Training được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong ba năm (từ năm 2007 đến 2009) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo cho hoạt động đào tạo kỹ thuật (từ năm 2010 đến 2016), và được miễn thuế trong hai năm (năm 2005 và 2006) và được miễn 50% trong bảy năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2013) cho hoạt động đào tạo an toàn.
- PVD Tech có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ từ 15% đến 25% cho các hoạt động. Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đối với Dự án Xưởng thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng, sửa chữa các kết cấu và các cụm thiết bị dầu khí như sau:
  - Đối với hoạt động sản xuất: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% thu nhập chịu thuế trong 12 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
  - Đối với hoạt động dịch vụ: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng hàng năm 20% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động kinh doanh và 25% trong các năm tiếp theo. PVD Tech được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 6 năm tiếp theo. Năm đầu tiên kinh doanh có lãi là năm 2009.
- PVD DeepWater có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trong 15 năm từ Dự án đầu tư giàn khoan PV Drilling V. PVD DeepWater được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2012 đến năm 2015) và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2024).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
	USD	USD
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	41.881.447	31.834.632
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.881.447	31.834.632
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	210.159.735	209.818.987
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>0,20</b>	<b>0,15</b>

Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 bao gồm phần lợi nhuận của hợp đồng BCC với số tiền là 1.617.329 Đô la Mỹ (trong đó lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 835.059 đô la Mỹ và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của BCC cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 2.452.388 đô la Mỹ). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Tổng Công ty tạm thời ghi nhận do chưa được kiểm tra và quyết toán bởi các bên trong BCC.

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại phần lợi nhuận của hợp đồng BCC phân bổ cho các bên BCC và lợi ích thuộc cổ đông của Tổng Công ty. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty Mẹ được trình bày lại như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 (trình bày lại)
	USD	USD
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	41.888.347	29.382.244
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	41.888.347	29.382.244
Số cổ phần phổ thông bình quân gia quyền	210.159.735	209.818.987
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>0,20</u>	<u>0,14</u>

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty chưa thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông như đã nêu tại Thuyết minh 24, Tổng Công ty chưa tính và trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu từ việc phát hành thêm cổ phần phổ thông để trả cổ tức do chưa có hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính.

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 16 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty Mẹ (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

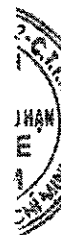
**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD
Các khoản vay	284.340.799	326.900.152
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	111.060.277	51.265.059
Nợ thuần	173.280.522	275.635.093
Vốn chủ sở hữu	371.446.036	335.708.492
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,47</u>	<u>0,82</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.060.277	51.265.059
Phải thu khách hàng và phải thu khác	131.751.880	147.090.685
Các khoản đầu tư khác	1.588.026	1.595.188
Các khoản ký quỹ, ký cược	932.180	1.249.512
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>245.332.363</u></b>	<b><u>201.200.444</u></b>
Các khoản vay và nợ	284.340.799	326.900.152
Phải trả người bán và phải trả khác	87.984.557	114.222.455
Chi phí phải trả	56.037.202	36.914.547
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>428.362.558</u></b>	<b><u>478.037.154</u></b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty đã và đang thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này trên cơ sở kiểm soát và cân đối dòng tiền (bao gồm dòng tiền ngoại tệ) và theo dõi sát sao thông tin trên thị trường để thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro phù hợp.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tuy nhiên, Tổng Công ty quản lý cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ thông qua việc thỏa thuận các hợp đồng kinh tế trên cơ sở đối ứng nguồn ngoại tệ phải trả nhà cung cấp với phải thu khách hàng nên đảm bảo được các giao dịch thanh toán bằng ngoại tệ, hạn chế tối đa được rủi ro về tỷ giá.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2013	31/12/2012	30/6/2013	31/12/2012
	USD	USD	USD	USD
USD (các công ty con)	99.637.224	228.526.755	125.954.559	75.493.473
VND (Công ty Mẹ)	11.303.502	18.804.873	87.699.321	47.659.586
DZD	1.061.275	1.135.730	5.595.473	1.677.042
SGD	292.177	492.460	3.132	15.703
EUR	289.852	268.474	8.319	187.302
Norwegian krone (NOK)	1.845	36.910	-	-
Bạt Thái (THB)	-	14.127	-	-
GBP	21.178	29.033	-	-
AUD	29.672	-	-	-

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty Mẹ chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Việt Nam và các công ty con chịu ảnh hưởng thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Tỷ lệ thay đổi 2% được Tổng Công ty sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Tổng Công ty về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá của Việt Nam đồng so với đô la Mỹ tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ thay đổi như sau:

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ (2%)	30/6/2013
	USD
Tăng/giảm lợi nhuận ở Công ty Mẹ	1.527.916
Giảm/tăng lợi nhuận ở các công ty con	526.347
Tăng/giảm lợi nhuận hợp nhất	<u>1.001.569</u>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất được Tổng Công ty đánh giá có thể xảy ra ở mức độ hợp lý là biến động tăng giảm trong lãi suất của các khoản vay thả nổi là tăng/giảm 30 điểm cơ bản. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối kỳ là số dư tiền vay trong suốt kỳ hoạt động tiếp theo, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 30 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 814.022 đô la Mỹ.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh mức độ rủi ro tín dụng. Tổng Công ty đánh giá rằng không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng lớn hoạt động trong lĩnh vực dầu khí và đáng tin cậy.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2013	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng cộng USD
Tiền và các khoản trương đương tiền	111.060.277	-	-	111.060.277
Phải thu khách hàng và phải thu khác	131.751.880	-	-	131.751.880
Các khoản đầu tư khác	-	473.261	1.114.765	1.588.026
Các khoản ký quỹ, ký cược	141.866	790.314	-	932.180
<b>Tổng cộng</b>	<b>242.954.023</b>	<b>1.263.575</b>	<b>1.114.765</b>	<b>245.332.363</b>
Các khoản vay và nợ	85.997.538	160.164.844	38.178.417	284.340.799
Phải trả người bán và phải trả khác	87.984.557	-	-	87.984.557
Chi phí phải trả	56.037.202	-	-	56.037.202
<b>Tổng cộng</b>	<b>230.019.297</b>	<b>160.164.844</b>	<b>38.178.417</b>	<b>428.362.558</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>12.934.726</b>	<b>(158.901.269)</b>	<b>(37.063.652)</b>	<b>(183.030.195)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

31/12/2012	Dưới 1 năm USD	Từ 1- 5 năm USD	Trên 5 năm USD	Tổng cộng USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.265.059	-	-	51.265.059
Phải thu khách hàng và phải thu khác	147.090.685	-	-	147.090.685
Các khoản đầu tư khác	-	480.423	1.114.765	1.595.188
Các khoản ký quỹ, ký cược	428.190	821.322	-	1.249.512
<b>Tổng cộng</b>	<b>198.783.934</b>	<b>1.301.745</b>	<b>1.114.765</b>	<b>201.200.444</b>
Các khoản vay và nợ	93.180.949	180.876.055	52.843.148	326.900.152
Phải trả người bán và phải trả khác	114.222.455	-	-	114.222.455
Chi phí phải trả	36.914.547	-	-	36.914.547
<b>Tổng cộng</b>	<b>244.317.951</b>	<b>180.876.055</b>	<b>52.843.148</b>	<b>478.037.154</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(45.534.017)</b>	<b>(179.574.310)</b>	<b>(51.728.383)</b>	<b>(276.836.710)</b>

**33. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày lập báo cáo, Tổng Công ty chưa hoàn tất việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho chi nhánh ở Algeria theo các thủ tục quyết toán thuế của nước sở tại. Các thủ tục quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria sẽ được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của Algeria khi Tổng Công ty hoàn tất dự án tại Algeria và các nghĩa vụ thuế sẽ được xác định vào thời điểm đó. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin rằng sẽ không phát sinh thêm khoản nợ thuế trọng yếu nào liên quan đến việc quyết toán thuế cho chi nhánh Algeria mà cần phải lập dự phòng thêm.

**34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 USD
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	978.061	1.039.700

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/06/2013 USD	31/12/2012 USD
Trong vòng một năm	1.915.774	1.808.682
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.253.157	4.607.239
Sau năm năm	1.555.725	9.052.646
	<b>6.724.656</b>	<b>15.468.567</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh và Vũng Tàu. Thời gian thuê được thỏa thuận trong các hợp đồng thuê là từ 1 năm đến 38 năm.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***35. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 USD
<b>Cung cấp dịch vụ</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	103.034.419	56.181.533
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>63.615.641</u>	<u>66.143.934</u>
<b>Mua hàng</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	4.702.367	3.186.456
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>3.474.518</u>	<u>11.329.591</u>
<b>Vay từ PVFC</b>		
Lãi vay đã trả	12.016	55.398
Hoàn trả nợ gốc trong năm	<u>1.394.925</u>	<u>1.394.925</u>

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 USD	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 USD
Lương	128.295	184.465
Tiền thưởng	96.171	198.818
Các khoản phúc lợi khác	6.802	5.761
	<u>231.268</u>	<u>389.044</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2013 USD	31/12/2012 USD
<b>Các khoản phải thu</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	31.182.667	4.198.410
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>20.136.397</u>	<u>52.167.937</u>
<b>Các khoản phải trả</b>		
Các công ty thành viên thuộc Petro Việt Nam	1.974.990	3.640.311
Các công ty thành viên thuộc Tổng Công ty	-	-
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	<u>3.169.104</u>	<u>2.441.602</u>
<b>Các khoản vay phải trả</b>		
PVFC	-	<u>1.394.925</u>
<b>Lãi vay phải trả</b>		
PVFC	-	<u>4.427</u>
<b>Phải trả khác</b>		
Petro Việt Nam	<u>45.450.052</u>	<u>45.484.848</u>

7/2/2013  
HHA  
E  
1/2/2013

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN KHOAN VÀ DỊCH VỤ KHOAN DẦU KHÍ**

Lầu 4, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

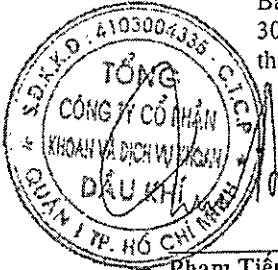
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

**36. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động 6 tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được Hội đồng quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 26 tháng 8 năm 2013.



Phạm Tiên Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2013

Hồ Ngọc Yên Phương  
Phó Tổng Giám đốc

Đoàn Đắc Tùng  
Kế toán trưởng

Trần Kim Hoàng  
Người lập biểu